**BÀI 8**

**HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CHO VAY THEO TỪNG**

**CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG**

**I. CÁC CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO**

**Bao gồm:**

- Cho vay Hộ nghèo.

- Cho vay hộ Cận nghèo.

- Cho vay hộ Mới thoát nghèo.

**1. Đối tượng được vay vốn**

**a. Đối với chương trình cho vay Hộ nghèo, hộ Cận nghèo**:

Đối tượng được vay vốn là Hộ nghèo, Cận nghèo theo quy định của Chính phủ về chuẩn nghèo đa chiều hiện hành.

**b. Đối với chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo:**

Là các Hộ đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo nay đã thoát nghèo, được UBND cấp xã xác nhận. Thời gian thoát nghèo được tính từ khi Hộ được ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 03 năm.

***Lưu ý:*** Những đối tượng sau đây **không được** vay vốn của NHCSXH

- Hộ không còn sức lao động.

- Hộ độc thân đang trong thời gian thi hành án.

- Hộ bị chính quyền địa phương loại ra khỏi danh sách vay vốn vì mắc tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, lười biếng không chịu lao động...

- Hộ thuộc diện chính sách xã hội như già cả neo đơn, tàn tật, thiếu ăn... do ngân sách Nhà nước trợ cấp.

**2. Nguyên tắc vay vốn**

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

- Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận.

**3. Điều kiện để được vay vốn**

- Người vay cư trú hợp pháp tại địa phương và được UBND cấp xã xác nhận trên danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD) và thuộc danh sách các đối tượng vay vốn theo quy định nêu trên.

- Người vay vốn là người đại diện hộ gia đình chịu trách nhiệm trong mọi quan hệ với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), là người ký nhận nợ và chịu trách nhiệm trả nợ NHCSXH.

- Hộ vay không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã.

**4. Mục đích sử dụng vốn vay**

- Sử dụng để đầu tư vào lĩnh vực SXKD, dịch vụ mà pháp luật không cấm

- Góp vốn để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh do cộng đồng người lao động sáng lập và được chính quyền địa phương cho phép thực hiện.

***Lưu ý:*  Đối với chương trình cho vay hộ nghèo:**

 Ngoài mục đích vay vốn để sử dụng vào các mục đích trên thì hộ nghèo còn được vay vốn để sử dụng vào giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thắp sáng và một phần chi phí học tập cho con đang theo học phổ thông, cụ thể:

+ Tiền học phí phải nộp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường công lập và theo quy định của nhà trường đối với trường dân lập.

+ Kinh phí xây dựng trường theo quy định của địa phương phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Tiền mua dụng cụ học tập và sách giáo khoa theo giá ghi trên bìa sách (không cho vay mua sách tham khảo, sách nâng cao).

+ Tiền mua quần áo hoặc trang phục của học sinh theo quy định.

+ Một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thắp sáng.

Nhưng khi Giám đốc NHCSXH xem xét cho vay, phải căn cứ vào tình hình thực tế nguồn vốn và nhu cầu vốn tại địa phương, ưu tiên, tập trung nguồn vốn cho vay để sản xuất kinh doanh trước, sau đó mới xét đến cho vay giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thắp sáng và học tập tại các trường phổ thông.

**5. Mức cho vay tối đa:**

*a. Đối với nhu cầu vay vốn để SXKD*: Tối đa 100 triệu đồng/1 hộ trong **mọi thời điểm** (kể cả những hộ đang còn dư nợ, nhưng chưa vay đến mức tối đa, nếu có phương án khả thi và có nhu cầu vay bổ sung)

*b. Đối với nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thắp sáng và học tập tại các trường phổ thông* là (chỉ áp dụng đối với chương trình cho vay Hộ nghèo):

- Sửa chữa nhà ở, mức tối đa 3 triệu đồng/1hộ.

- Điện thắp sáng, mức tối đa 1,5 triệu đồng/1hộ.

- Nước sạch, mức tối đa 10 triệu đồng/công trình/1hộ.

- Chi phí học tập tại các trường phổ thông: Do Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố quyết định mức cho vay tối đa phù hợp với địa bàn tỉnh nhưng không vượt quá tổng 4 khoản chi phí học tập cao nhất được vay nêu trên.

***Lưu ý:***

(1). Các đối tượng vay vốn nêu trên để sản xuất kinh doanh, nếu vốn vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn...) được cho vay bổ sung để khôi phục sản xuất, kinh doanh nhưng tối đa không vượt quá 100 triệu đồng/1 hộ (dư nợ này không bao gồm dư nợ khoanh và dư nợ mới bị thiệt hại được các bên liên quan lập Biên bản theo mẫu 02/XLN).

(2). Hộ nghèo được vay vốn chương trình cho vay Hộ nghèo: Mức cho vay tối đa 100 triệu đồng/1 hộ, bao gồm cả nhu cầu sản xuất kinh doanh và giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, nước sạch, điện thắp sáng và học tập tại các trường phổ thông. Như vậy, nếu hộ đã vay đủ 100 triệu đồng để SXKD thì **không được** vay 04 nhu cầu thiết yếu nêu trên. Ngược lại, nếu hộ vay đủ 04 nhu cầu thiết yếu, thì số tiền vay về nhu cầu SXKD bằng 100 triệu đồng – (trừ) số vốn đã vay cho 04 nhu cầu thiết yếu.

**6. Lãi suất cho vay:**

 \* Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ, hiện nay:

 - Chương trình cho vay Hộ nghèo: 0,55 %/tháng.

 - Chương trình cho vay Hộ cận nghèo: Bằng 120% lãi suất cho vay hộ nghèo

 - Cho vay Hộ mới thoát nghèo: Bằng 125% lãi suất cho vay hộ nghèo.

\* Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 130% lãi suất cho vay.

**7. Thời hạn cho vay**

**7.1. Căn cứ xác định thời hạn cho vay:**

NHCSXH và hộ vay thỏa thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào:

- Mục đích sử dụng vốn vay của hộ vay.

- Thời hạn thu hồi vốn của phương án đầu tư (chu kỳ sản xuất kinh doanh).

- Khả năng trả nợ của hộ vay.

- Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

**7.2. Loại cho vay:**

- Cho vay ngắn hạn: Đến 12 tháng.

- Cho vay trung hạn: Trên 12 tháng đến 60 tháng.

- Cho vay dài hạn: Trên 60 tháng đến 120 tháng.

***Lưu ý:***

- Thời hạn cho vay chương trình hộ mới thoát nghèo do NHCSXH và hộ vay thỏa thuận trên cơ sở chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không quá 5 năm.

- Đối với cho vay hộ nghèo để trang trải chi phí học tập ở các trường phổ thông:

Thời hạn cho vay = Thời gian ân hạn + Thời gian trả nợ.

- Thời gian ân hạn: Tính từ ngày hộ vay nhận món vay đầu tiên cho đến khi người con kết thúc cấp học kể cả năm học lưu ban (nếu có). Trường hợp hộ vay có nhiều con theo học thì **thời gian ân hạn** được xác định theo số năm của người con đang theo học ở cấp học có **số năm dài nhất**. Trong thời gian ân hạn, hộ nghèo chưa phải trả gốc, nhưng phải trả lãi tiền vay (theo tháng).

- Thời gian trả nợ: Tối đa bằng số năm được NHCSXH cho vay vốn trong thời gian học tại cấp học đó (tiểu học là 5 năm, trung học cơ sở 4 năm, trung học phổ thông 3 năm).

**8. Thủ tục và quy trình cho vay**

**8.1. Hồ sơ cho vay, gồm:**

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu 01/TD)

- Danh sách các hộ đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu 03/TD) có xác nhận của UBND cấp xã.

- Biên bản họp tổ TK&VV (Các trường hợp theo quy định phải gửi cho NHCSXH nơi cho vay).

*Trường hợp thuộc đối tượng được vay vốn bổ sung để khôi phục sản xuất, kinh doanh thì phải nộp thêm:*

Danh sách khách hàng vay vốn bị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt khoanh nợ hoặc Danh sách khách hàng vay vốn mới bị rủi ro do nguyên nhân khách quan có mức độ thiệt hại từ 40% trở lên được UBND cấp huyện phê duyệt kèm Biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản đã có đầy đủ chữ ký của các bên liên quan (Mẫu 02/XLN).

**8.2. Quy trình cho vay**

 **SƠ ĐỒ CHO VAY**

 **Hộ vay**

**Tổ TK&VV**

**UBND cấp xã**

**NHCSXH**

**Tổ chức**

**CTXH cấp xã**

**(7)**

**(2)**

**(3)**

**(4)**

**(8)**

**(5)**

**(6)**

**(1)**

Bước 1: Khi có nhu cầu vay vốn, người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD), gửi cho Tổ TK&VV.

Bước 2: Tổ TK&VV cùng tổ chức Hội, đoàn thể, Trưởng thôn (ấp, bản…) tổ chức họp để bình xét theo đúng quy định những hộ đủ điều kiện vay vốn, lập danh sách Mẫu 03/TD trình UBND cấp xã xác nhận là đối tượng được vay và cư trú hợp pháp tại xã.

Bước 3: Tổ TK&VV gửi hồ sơ đề nghị vay vốn tới Ngân hàng.

Bước 4: Ngân hàng phê duyệt cho vay và thông báo tới UBND cấp xã (Mẫu 04/TD).

Bước 5: UBND cấp xã thông báo cho tổ chức Hội, đoàn thể cấp xã.

Bước 6: Tổ chức Hội, đoàn thể cấp xã thông báo cho Tổ TK&VV.

Bước 7: Tổ TK&VV thông báo cho tổ viên/hộ gia đình vay vốn biết danh sách hộ được vay, thời gian và địa điểm giải ngân.

Bước 8: Ngân hàng tiến hành giải ngân trực tiếp cho người vay.

**8.3. Giải ngân cho vay**

NHCSXH trực tiếp giải ngân cho hộ vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Các trường hợp uỷ quyền nhận tiền vay phải có xác nhận của UBND cấp xã. Khi giải ngân, kế toán ghi đầy đủ nội dung vào hồ sơ vay vốn 🡪 yêu cầu người vay ký nhận đầy đủ.

**9. Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi**

**9.1. Định kỳ hạn trả nợ**

- Món vay ngắn hạn: Không phân kỳ hạn trả nợ.

- Món vay Trung, dài hạn: Thỏa thuận phân kỳ trả nợ 6 tháng/1năm một lần

- Hộ vay được trả nợ trước hạn.

**9.2. Thu nợ gốc:** NHCSXH tổ chức việc thu nợ gốc trực tiếp tới từng hộ vay tại Điểm giao dịch xã hoặc tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo quy định sau:

- Món vay ngắn hạn: Thu nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Món vay trung hạn, dài hạn: Phân kỳ trả nợ nhiều lần (6 tháng hoặc 1 năm một lần do NHCSXH và hộ vay thỏa thuận), hộ vay có thể trả nợ trước hạn.

***Lưu ý:* Đối với cho vay để chi phí học tập tại các trường phổ thông**

- NHCSXH phân kỳ thu nợ gốc một năm 1 lần, kỳ thu nợ gốc đầu tiên sau 1 năm kể từ khi kết thúc cho vay đối với học sinh đó.

- Số tiền thu nợ gốc mỗi kỳ ít nhất bằng số tiền cho vay bình quân một năm trong thời gian ân hạn.

**9.3. Thu lãi:**

- Đối với các khoản nợ trong hạn: Thực hiện thu lãi định kỳ hàng tháng trên Biên lai do NHCSXH nơi cho vay in. Lãi chưa thu của kỳ trước được chuyển sang thu kỳ hạn tiếp theo.

- Đối với các khoản nợ quá hạn: Thu gốc đến đâu thu lãi đến đó.

- Đối với các khoản nợ khó đòi: Ưu tiên thu gốc trước thu lãi sau. Số lãi chưa thu được hạch toán ngoại bảng để có kế hoạch thu sát với thực tế.

 ***Lưu ý:*** Đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, trước khi nhập ngũ **là thành viên hộ nghèo** **đang đứng tên vay vốn các chương trình tín dụng chính sách** của NHCSXH thì được tạm hoãn trả và không tính lãi suất trong thời gian tại ngũ (VB 3543/NHCS-TDSV ngày 6/6/2019)..

Để được tạm hoãn trả và không tính lãi suất trong thời gian tại ngũ, người vay vốn phải gửi NHCSXH nơi cho vay các giấy tờ sau: (VB 1233/NHCS-TDSV ngày 17/4/2017).

+ Lệnh gọi nhập ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)

+ Quyết định xuất ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)

+ Quyết định về việc tuyển dụng công nhân viên chức quốc phòng hoặc Quyết định về việc chuyển chế độ từ Hạ sĩ quan, binh sĩ sang chế độ Quân nhân chuyên nghiệp (bản sao có công chứng hoặc chứng thực).

**10. Xử lý nợ đến hạn**

**10.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ**

Trường hợp hộ vay có khó khăn, chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn đã thoả thuận (kỳ con) do nguyên nhân:

- Chưa kết thúc chu kỳ sản xuất kinh doanh,

- Chưa tiêu thụ được sản phẩm/gặp khó khăn tạm thời về tài chính.

🡪 Thì khoản nợ của kỳ hạn đó được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn và người vay không phải làm thủ tục điều chỉnh kỳ hạn nợ).

**10.2. Cho vay lưu vụ**

***-*** *Đối tượng áp dụng****:*** Là các khoản cho vay có chu kỳ SXKD kế tiếp như chu kỳ trước đó, được thực hiện đối với chương trình sau:

+ Cho vay hộ nghèo:

+ Cho vay hộ cận nghèo.

***Lưu ý****:* Không áp dụng cho vay lưu vụ đối với chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo và cho vay để chi phí học tập đối với chương trình cho vay Hộ nghèo.

**-** *Điều kiện cho vay lưu vụ:* Hộ vay phải có đủ 3 điều kiện sau:

+ Khoản vay đã đến hạn trả, nhưng hộ vay vẫn có nhu cầu vay vốn cho chu kỳ sản xuất, kinh doanh liền kề.

+ Phương án đang vay có hiệu quả.

+ Hộ vay trả đủ số lãi còn nợ của khoản vay trước và chưa thoát nghèo/cận nghèo.

**-** *Mức cho vay lưu vụ***:** Không quá số dư nợ **còn lại** của hộ vay đến ngày cho vay lưu vụ.

**-** *Thời hạn cho vay lưu vụ:* Là thời hạn của chu kỳ sản xuất, kinh doanh tiếp theo nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay.

*- Lãi suất cho vay lưu vụ:* Theo lãi suất hiện hành tại thời điểm cho vay lưu vụ.

**-** *Thủ tục cho vay lưu vụ:* Khi có nhu cầu vay lưu vụ, trước 5 ngày đến hạn trả cuối cùng, hộ vay làm giấy đề nghị (Mẫu số 07/TD) gửi Tổ trưởng Tổ TK&VV để tổ chức họp bình xét cho vay và lập Biên bản mẫu 10C/TD và mẫu số 03/TD giống như quy trình cho vay mới, các thủ tục khác (Sổ vay vốn) hộ vay không phải lập lại.

Mọi trường hợp cho vay lưu vụ, NHCSXH phải ghi đầy đủ các yếu tố quy định vào cả Sổ vay vốn lưu tại NHCSXH và Sổ của hộ vay giữ.

***Lưu ý****:*Nghiêm cấm việc hạch toán giả cho vay, giả thu nợ.

**10.3. Gia hạn nợ**

**\*** *Trường hợp gia hạn nợ:* Khi hộ vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh và nguyên nhân khách quan khác, có Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09A/TD) thì NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ.

*\* Thời gian cho gia hạn nợ:* NHCSXH có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá thời hạn cho vay đối với cho vay ngắn hạn và không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với cho vay trung hạn, dài hạn.

**\*** *Thủ tục, quy trình gia hạn nợ:*

**(1). Tại địa phương nơi hộ vay vốn**

**Bước 1:** Trước kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan, có nhu cầu gia hạn nợ thì viết Giấy đề nghị gia hạn nợ theo Mẫu 09A/TD gửi Tổ TK&VV.

**Bước 2**: Tổ trưởng Tổ TK&VV

- Kiểm tra đầy đủ các thông tin, ký, ghi rõ họ tên vào Giấy đề nghị gia hạn nợ.

- Gửi Giấy đề nghị gia hạn nợ của hộ vay và đề nghị Hội, đoàn thể nhận ủy thác cấp xã kiểm tra thực tế nguyên nhân chưa trả được nợ.

**Bước 3**: Hội, đoàn thể cấp xã sau khi kiểm tra thực tế nguyên nhân khách quan:

- Nếu nhu cầu gia hạn nợ phù hợp: Ghi ý kiến “Đề nghị cho gia hạn nợ” và ký tên, đóng dấu.

- Nếu nhu cầu gia hạn nợ không phù hợp: Ghi ý kiến “Đề nghị không cho gia hạn nợ” và ký tên, đóng dấu.

- Trình Giấy đề nghị gia hạn nợ cho UBND cấp xã xác nhận, ký tên và đóng dấu.

- Gửi cán bộ tín dụng trước hạn trả nợ cuối cùng tối thiểu 5 ngày hoặc chậm nhất vào ngày giao dịch tại xã theo lịch cố định của kỳ giao dịch có nợ đến hạn.

**(2). Tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay**

**a. Trường hợp Cán bộ tín dụng nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ vào trước ngày giao dịch cố định tại xã:**

***\* Tại NHCSXH***

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của Giấy đề nghị gia hạn nợ, có thể thẩm định lại (nếu thấy cần thiết), xem xét, hoàn thiện nội dung phần phê duyệt của NHCSXH, ký tên và trình Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tổ nghiệp vụ tín dụng kiểm soát.

- Trình Giám đốc phê duyệt gia hạn nợ theo chế độ quy định:

* **Được phê duyệt**

- Cán bộ tín dụng: Chuyển Giấy đề nghị gia hạn nợ cho bộ phận kế toán, đồng thời lập “Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ” theo **Mẫu 09.1/TD** gửi Tổ trưởng TK&VV, để gửi người vay lưu giữ cùng Sổ vay vốn (mỗi người vay 01 liên).

- Bộ phận kế toán: Ghi thời gian gia hạn vào Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng lưu tại NH và lưu Giấy đề nghị gia hạn vào hồ sơ cho vay.

* **Không được phê duyệt**

- Cán bộ tín dụng lập “Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ” theo **Mẫu 09.2/TD** trình Giám đốc phê duyệt, gửi Tổ trưởng TK&VV để thông báo và đôn đốc tổ viên trả nợ.

- Trường hợp này, Giấy đề nghị gia hạn nợ được lưu tại bộ phận tín dụng.

***\* Tại cuộc họp giao ban***

Chủ trì cuộc họp: Thông báo cụ thể từng hộ vay được gia hạn nợ và thời gian được gia hạn nợ; hộ vay không được gia hạn, lý do không được gia hạn nợ cho Hội đoàn thể và BQL Tổ biết và theo dõi, đôn đốc trả nợ đúng hạn.

***\* Tại buổi sinh hoạt Tổ*:** Ban quản lý Tổ thông báo:

Các hộ được NHCS phê duyệt gia hạn nợ, thời gian được gia hạn nợ; các hộ không được NH gia hạn nợ, lý do không được gia hạn nợ.

**b. Trường hợp Cán bộ tín dụng nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ vào ngày giao dịch cố định tại xã:**

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trên Mẫu 09A/TD từ Hội, đoàn thể cấp xã, có thể thẩm định lại (nếu thấy cần thiết), sau đó ghi đầy đủ các thông tin vào phần phê duyệt của NHCSXH, ký tên và thực hiện như sau:

***\* Đối với Tổ giao dịch xã trở về Trụ sở trong thời gian làm việc theo quy định***

- Trình Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tổ NVTD kiểm soát và trình Giám đốc/Người được ủy quyền phê duyệt gia hạn nợ ngay trong ngày giao dịch đó.

- Thủ tục và cách thức thực hiện như trường hợp nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ trước ngày giao dịch cố định tại xã (điểm 2.1 nêu trên).

***Lưu ý:*** Việc gia hạn nợ trên hồ sơ và trên hệ thống Intellect phải hoàn tất trước khi khóa sổ kế toán ngày giao dịch đó.

***\*. Đối với Tổ giao dịch xã sẽ trở về Trụ sở NHCSXH muộn*** (không kịp thời gian làm việc theo quy định) thì xử lý:

Bước 1**:** Tại Điểm giao dịch xã, cán bộ tín dụng

- Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp trên Mẫu **09A/TD**, sau đó ghi đầy đủ các thông tin vào phần phê duyệt của NHCSXH, ký tên.

- Lập “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ” theo Mẫu **09.3/TD**.

- Chụp ảnh “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ” và các Giấy đề nghị gia hạn nợ của người vay gửi về Trụ sở NHCSXH nơi cho vay qua thư điện tử cho Giám đốc hoặc người được ủy quyền để phê duyệt trên danh sách.

Bước 2: Tại Trụ sở NHCSXH

- Giám đốc/Người được ủy quyền phê duyệt gia hạn nợ vào “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ”và gửi Danh sách đó cho bộ phận Kế toán làm căn cứ thực hiện các bước tiếp theo của quy trình gia hạn nợ.

***Lưu ý:***

- Việc ghi chép gia hạn nợ trên hồ sơ lưu và thực hiện gia hạn nợ trên hệ thống Intellect phải hoàn thành trước khi khóa Sổ kế toán của ngày giao dịch đó.

- Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ được lưu tại bộ phận tín dụng

Bước 3:Kết thúc giao dịch xã, khi trở về trụ sở NHCSXH

- Cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng/Tổ trưởng tổ NVTD ký kiểm soát, trình Giám đốc/Người được ủy quyền phê duyệt cho gia hạn nợ trên Giấy đề nghị gia hạn nợ của từng người vay khớp đúng với nội dung đã phê duyệt trên “Danh sách người vay đủ điều kiện gia hạn nợ”.

- Chuyển Giấy đề nghị gia hạn nợ được phê duyệt cho bộ phận kế toán lưu hồ sơ cho vay, đồng thời:

+ Lập “Thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ” theo Mẫu **09.1/TD** gửi Tổ trưởng TK&VV để gửi cho hộ vay lưu giữ.

+ Lập “Thông báo Danh sách người vay không được gia hạn nợ” theo mẫu **09.2/TD** trình Giám đốc phê duyệt, gửi Tổ trưởng TK&VV để thông báo và đôn đốc tổ viên trả nợ.

-Việc thông báo kết quả phê duyệt gia hạn nợ tại cuộc họp giao ban và sinh hoạt Tổ được thực hiện như điểm 2.1 nêu trên.

**10.4. Chuyển nợ quá hạn**

- NHCSXH sẽ chuyển nợ quá hạn khi hộ vay:

+ Sử dụng vốn vay sai mục đích.

+ Có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay không được Ngân hàng cho gia hạn nợ

Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức Hội, đoàn thể có biện pháp tích cực để thu hồi nợ.

**11. Xử lý nợ rủi ro**

Thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH và các văn bản liên quan khác.

**12. Kiểm tra**

**-** Trước khi phát tiền vay cho người vay, NHCSXH phải kiểm tra:

+ Người vay phải là thành viên của Tổ TK&VV do tổ chức Hội, đoàn thể thành lập theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

+ Người vay có tên trong Danh sách (Mẫu số 03/TD) do Tổ TK&VV bình xét, lập danh sách và được UBND cấp xã xác nhận.

- NHCSXH uỷ thác cho tổ chức Hội, đoàn thể kiểm tra việc sử dụng vốn vay của từng hộ vay trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay và kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (Mẫu số 06/TD). Kết quả kiểm tra của tổ chức Hội, đoàn thể được gửi cho NHCSXH để lưu trữ.

 Ngoài ra, NHCSXH phối hợp với tổ chức Hội, đoàn thể kiểm tra việc sử dụng vốn vay và chấp hành quy định cho vay đối với người vay khi cần thiết.

**CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN**

1. Văn bản 316/NHCS-TD ngày 02/5/2003 V/v Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo.

2. Văn bản 2628/NHCS-NVTD ngày 15/12/2004 V/v Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay một phần nhu cầu thiết yếu trong sinh hoạt đối với hộ nghèo.

3. Văn bản số 676/NHCS-TD ngày 22/4/2007 V/v Sửa đổi một số điểm văn bản 316/NHCS-KH.

4. Văn bản số 1003/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với hộ cận nghèo theo QĐ số 15/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của TTCP.

5. Văn bản số 2859/NHCS-TDNN ngày 13/8/2015 V/v Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với hộ mới thoát nghèo theo QĐ số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của TTCP.

6. Văn bản 4710/NHCS-TDNN ngày 24/11/2016 V/v Hướng dẫn thực hiện cho vay bổ sung vốn để khôi phục SXKD đối với khách hàng vay vốn bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.

7. Văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 V/v Sửa đổi thủ tục, quy trình gia hạn nợ thông thường.

8. Văn bản 767/NHCS-TD-KH-CNTT ngày 9/4/2009 V/v Một số vướng mắc sau hội nghị tập huấn nghiệp vụ tháng 3/2009 (quy định về Nợ khó đòi).

9. Văn bản 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 V/v Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

10. Văn bản 3105/NHCS-TDNN-HSSV- QL&XLNRR- KHNV-TTCNTT ngày 10/9/2015 trả lời vướng mắc sau Hội nghị chuyên đề tổ chức tại tỉnh Nghệ An.

11. Văn bản số 1129/NHCS-TDNN ngày 29/4/2014 V/v Nâng mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo.

12. Văn bản số 866/NHCS-TDNN ngày 22/02/2019 V/v Nâng mức cho vay và thời hạn cho vay tối đa.

13. Văn bản số 3543/NHCS-TDNN ngày 6/6/2019 V/v Giải đáp vướng mắc khi thực hiện chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ

14. Các văn bản khác có liên quan.

**II. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY TẠI VÙNG KHÓ KHĂN**

**Bao gồm:**

- Cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn.

- Cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

**1. Đối tượng được vay vốn**

**a. Chương trình cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn**

Các hộ gia đình theo quy định của Bộ Luật dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) không thuộc diện hộ nghèo thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm (danh mục vùng khó khăn theo Quyết định 1010/QĐ- TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ).

**b. Chương trình cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn:**

Các thương nhân hoạt động thương mại thường xuyên ở vùng khó khăn (gọi tắt là người vay).

\* Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

- Thương nhân là tổ chức kinh tế bao gồm: Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp tư nhân, Công ty hợp danh, Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty Cổ phần, Hợp tác xã có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

- Thương nhân là cá nhân bao gồm:

+ Thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế;

+ Thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

**Lưu ý:**

(1) Đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg sáp nhập với đơn vị hành chính cấp xã không thuộc vùng khó khăn: Chỉ thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi tại vùng khó khăn đối với đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn cũ trước khi sáp nhập;

(2) Trường hợp 02 đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg sáp nhập với nhau: Việc thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn được thực hiện ở địa bàn mới sau khi sáp nhập.

(3) Khách hàng cư trú tại địa bàn không còn trong danh sách xã thuộc vùng khó khăn thì thu hồi nợ, tất toán món vay khi đến hạn trả nợ.

**2. Nguyên tắc cho vay**

a. Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

b. Người vay phải trả nợ đúng hạn gốc và lãi theo cam kết với Ngân hàng.

c. Đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch.

**3. Điều kiện vay vốn**

**a.Chương trình cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

- Cư trú hợp pháp tại nơi thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh.

\* Đối với món vay đến 50 triệu đồng: Có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được UBND cấp xã xác nhận với nội dung “Có phương án sản xuất kinh doanh được thực hiện tại địa phương” trên mẫu 01/TD văn bản.

\* Đối với món vay trên 50 triệu đồng phải có thêm điều kiện sau:

- Có dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được UBND cấp xã xác nhận với nội dung “Có phương án sản xuất kinh doanh được thực hiện tại địa phương” trên mẫu 01A/TD văn bản

- Có vốn tự có tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh.

- Cam kết sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản bảo đảm tiền vay.

**b. Chương trình cho vay Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn**

Thương nhân vay vốn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có vốn tự có tham gia tối thiểu bằng 20% tổng nhu cầu vốn vay cho hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

- Thương nhân vay vốn trên 50 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

- Thương nhân là cá nhân: Phải có xác nhận của UBND cấp xã trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực hoặc công chứng) hoặc trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu 01/TD) hoặc xác nhận riêng với nội dung “Là thương nhân có thực hiện hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn” VB 5077, vb 4098). Thương nhân là cá nhân đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có nhu cầu vay vốn chương trình tín dụng tại vùng khó khăn thì thương nhân là cá nhân đó phải trực tiếp là người đứng tên vay vốn.Vb 3791

- Thương nhân là tổ chức kinh tế:

+ Phải có Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có chứng thực hoặc công chứng)

+ Được UBND cấp xã xác nhận trên Giấy đề nghị vay vốn mẫu số 01/DNV&N là thương nhân hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn. Trường hợp tổ chức kinh tế mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại vùng khó khăn phải có thêm Giấy phép hoạt động.

**c. Vốn tự có tham gia vào dự án, phương án SXKD gồm:**

- Vật tư: Nguyên vật liệu, phân bón, giống cây trồng, vật nuôi...

- Quyền sử dụng đất: Giá trị quyền sử dụng đất mà hộ nắm giữ theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê đất còn được sử dụng.

- Giá trị tài sản trên đất: Tính theo giá trị thị trường. Trường hợp đi thuê là giá tiền thuê đã được thanh toán cho thời hạn thuê tài sản còn được sử dụng.

- Lao động: Giá trị ngày công lao động mà người vay tham gia phương án sản xuất.

- Vốn bằng tiền: tiền mặt, dư có các tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng, giá trị các chứng chỉ, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu...

**4. Mục đích sử dụng vốn vay**

**a. Đối với chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn:**

(1) Mua sắm vật tư, thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất; cây trồng, vật nuôi, sửa chữa, xây dựng mới nhà xưởng sản xuất, kinh doanh (SXKD); xây dựng và cải tạo đồng ruộng, trang trại chăn nuôi; các nhu cầu về vệ sinh môi trường; thanh toán tiền thuê nhân công và các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.

(2) Góp vốn thực hiện các dự án hoặc phương án hợp tác SXKD: Người vay và các bên góp vốn tự nguyện sử dụng vốn vay góp vốn với các hộ, các tổ hợp, các chủ trang trại, các tổ chức kinh tế trên địa bàn đang cùng sinh sống, có truyền thống làm ăn giỏi, trực tiếp thực hiện các phương án sản xuất.

 (3) Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng và đào tạo tay nghề có liên quan mật thiết đến dự án hoặc phương án SXKD.

***Lưu ý:*** NHCSXH không cho vay

- Góp vốn kinh doanh tiền tệ như mua bán chứng khoán, mua xổ số...

- Dự án, phương án SXKD những mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện.

**b. Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn:**

(1) Đầu tư xây dựng trụ sở, cửa hàng, kho tàng, trang thiết bị và các tài sản khác.

(2) Mua sắm hàng hoá gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, các động sản khác được lưu thông trên thị trường.

(3) Góp vốn với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh tại địa bàn vùng khó khăn.

**5. Mức cho vay**

- Tối đa 50 triệu đồng: Cho vay hộ gia đình và thương nhân là cá nhân không mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế.

- Tối đa 100 triệu đồng: Cho vay thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật và hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn vay trên 50 triệu đồng.

- Tối đa 500 triệu đồng: Cho vay thương nhân là tổ chức kinh tế.

**6. Lãi suất cho vay**

- Lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.Lãi suất cho vay hiện nay là 0,75%/tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**7. Thời hạn cho vay**

**a. NHCSXH áp dụng loại cho vay:** Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

- Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay đến 12 tháng.

 - Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

 - Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn từ trên 60 tháng.

***Lưu ý:*** Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại: Thời hạn cho vay tối đa không quá 5 năm và tối đa không quá thời hạn hoạt động còn lại theo Giấy phép hoạt động (nếu có).

**b. Định kỳ hạn nợ, căn cứ:**

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh;

 - Thời hạn thu hồi vốn của phương án sản xuất kinh doanh;

 - Khả năng trả nợ của người vay;

- Nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

**c. Định kỳ hạn trả nợ gốc, lãi:**

- Món vay ngắn hạn: Trả nợ gốc 1 lần khi đến hạn.

- Món vay trung, dài hạn: Định kỳ trả nợ 6 tháng hoặc 01 năm 01 lần.

***Lưu ý:*** Đối với cho vay dài hạn chương trình Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn được ân hạn tối đa là 2 năm. Thời gian ân hạn cụ thể do Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định. Trong thời gian ân hạn, người vay chưa phải trả nợ gốc nhưng phải trả lãi theo tháng.

**d. Thời gian gia hạn nợ:**

- Các khoản cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay.

- Các khoản cho vay trung hạn và dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay ghi trên Sổ vay vốn hoặc Hợp đồng tín dụng.

**8. Phương thức cho vay**

- NHCSXH ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay thông qua các tổ chức Hội, đoàn thể (gọi tắt là cho vay theo phương thức ủy thác):

+ Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vay đến 50 triệu đồng.

+ Thương nhân là cá nhân.

- NHCSXH trực tiếp cho vay:

+ Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vay trên 50 triệu đồng.

+ Thương nhân là tổ chức kinh tế.

**9. Hồ sơ, thủ tục và quy trình cho vay**

**9.1. Chương trình cho vay Hộ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn:**

**a. Đối với mức vay đến 50 triệu đồng:** Thủ tục và quy trình thực hiện như cho vay hộ nghèo.

**b. Đối với mức vay trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng:**

**\* Hồ sơ cho vay, gồm:**

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất (Mẫu số 01A/TD).

- Phiếu thẩm định (Mẫu số 02/TD).

- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD).

- Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Mẫu số 05/TD). Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay bổ sung (Mẫu số 05A/TD).

**\* Quy trình cho vay:**

- Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất theo Mẫu 01A/TD, xin xác nhận của UBND cấp xã, gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Cán bộ NHCSXH được phân công tiến hành thẩm định theo (Mẫu số 02/TD). Sau đó trình Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng tín dụng thẩm định lại (nếu cần thiết) trình Giám đốc phê duyệt.

- Nếu được phê duyệt cho vay, NHCSXH và người vay lập Khế ước nhận nợ kiêm cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Mẫu số 05/TD). Nếu không được vay thì lập thông báo theo (Mẫu số 04/TD) gửi người vay.

**9.2. Chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn**

**a. Thương nhân là cá nhân**

**\* Hồ sơ cho vay, gồm:**

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD);

+ Quyết định miễn thuế đối với thương nhân hoạt động sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn được Nhà nước miễn thuế (nếu có). vb4098

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD);

+ Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu số 10C/TD);

+ Sổ vay vốn.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận trên bản sao có chứng thực hoặc công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (doanh nghiệp) của thương nhân. Ngoài ra, UBND cấp xã có thể xác nhận trên giấy đề nghị của người vay hoặc xác nhận riêng với nội dung “Là thương nhân có thực hiện hoạt động thương mại thường xuyên trên địa bàn”.

- Đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán phải có thêm “Thông báo nộp thuế khoán của cơ quan Thuế kỳ trước liền kề (Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)”

- Đối với thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật phải có thêm “Tờ khai thuế hoặc Quyết toán thuế (Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực)”. Trường hợp Thương nhân được miễn thuế thì phải cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay Quyết định miễn thuế . Trường hợp địa phương, cơ quan thuế không gửi cho Thương nhân thông báo nộp thuế khoán thì người vay cung cấp Biên lai thu thuế của kỳ trước liền kề”;

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay đối với trường hợp vay trên 50 triệu đồng.

**\* Quy trình cho vay:** Thực hiện như cho vay hộ nghèo

Lưu ý: Khi Người vay viết giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay kèm Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Thông báo nộp thuế hoặc tờ khai nộp thuế (quyết toán thuế) gửi tổ TK&VV.

**b. Thương nhân là tổ chức kinh tế**

**\* Hồ sơ cho vay, gồm:** Hồ sơ pháp lý; Hồ sơ kinh tế; Hồ sơ vay vốn.

**- Hồ sơ pháp lý:** Tuỳ theo loại hình tổ chức kinh tế người vay gửi cho Ngân hàng bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) với các loại giấy tờ sau:

+ Điều lệ Doanh nghiệp, Điều lệ Hợp tác xã (trừ Doanh nghiệp tư nhân);

+ Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có), Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng;

+ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh. Trường hợp tổ chức kinh tế mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại vùng khó khăn phải có thêm Giấy phép hoạt động;

+ Giấy phép hành nghề đối với các trường hợp hoạt động thương mại phải có giấy phép hành nghề (ví dụ: Kinh doanh Dược phẩm);

+ Biên bản góp vốn, danh sách thành viên sáng lập (Công ty Cổ phần, Công ty Trách nhiệm hữu hạn, Công ty hợp danh);

+ Các giấy tờ về đăng ký mẫu dấu, chữ ký và mở tài khoản;

+Số lượng xã viên, danh sách Ban quản trị, Ban kiểm soát (đối với HTX);

+ Biên bản đã thông qua tại Hội nghị thành lập HTX (đối với Hợp tác xã).

**- Hồ sơ kinh tế:**

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ;

+ Báo cáo tài chính và kết quả thực hiện kinh doanh kỳ trước liền kề.

**- Hồ sơ vay vốn:**

+ Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/DNV&N);

+ Dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (do người vay lập);

+ Hồ sơ bảo đảm tiền vay theo quy định;

+ Phiếu thẩm định, tái thẩm định (Mẫu số 02/DNV&N);

+ Thông báo phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD);

+ Hợp đồng tín dụng (Mẫu số 03/DNV&N);

+ Biên bản kiểm tra sau khi cho vay (Mẫu số 06/DNV&N);

**\* Quy trình cho vay:**

- Người vay có nhu cầu vay vốn viết Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/DNV&N) có xác nhận của UBND cấp xã. Sau đó người vay nộp trực tiếp hồ sơ cho vay về NHCSXH nơi cho vay.

- NHCSXH nơi cho vay sau khi nhận được Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/DNV&N) và các hồ sơ theo quy định, cán bộ tín dụng tiến hành thẩm định theo Mẫu số 02/DNV&N.

- Căn cứ vào kết quả thẩm định của cán bộ tín dụng, Trưởng phòng hoặc Tổ trưởng Tín dụng có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ hoặc thẩm định lại (nếu cần thiết) trình Giám đốc phê duyệt.

- Nếu được phê duyệt cho vay, cán bộ tín dụng được phân công hướng dẫn người vay lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay theo quy định. Trường hợp không được vay, thì lập Thông báo theo Mẫu số 04/TD gửi người vay.

- Sau khi hoàn thành thủ tục bảo đảm tiền vay theo quy định, người vay cùng NHCSXH lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 03/DNV&N). Người vay được lựa chọn và thỏa thuận với Ngân hàng áp dụng 1 trong 2 hình thức cho vay từng lần hoặc cho vay theo hạn mức tín dụng.

**10. Tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi:**

**10.1. Đối với phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị - xã hội:** Thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo

**10.2. Đối với phương thức cho vay trực tiếp:**

a) Trường hợp đối với mức vay trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng:

- NHCSXH trực tiếp giải ngân cho người vay một hoặc nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Người vay phải có chứng minh nhân dân. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được ủy quyền cho thành viên trong hộ lĩnh tiền nhưng phải có giấy ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

- Mỗi lần thu nợ, thu lãi cán bộ ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và ký xác nhận theo quy định.

b) Trường hợp Thương nhân là tổ chức kinh tế thực hiện như sau:

**\* Giải ngân:**

- Phải mở tài khoản tiền gửi tại NHCSXH nơi cho vay, để thực hiện các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và trả nợ Ngân hàng.

- Người vay trực tiếp đến nhận tiền vay tại Ngân hàng. Trường hợp người vay không trực tiếp đến nhận tiền vay, được uỷ quyền cho thành viên khác bằng văn bản có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

- Trường hợp giải ngân đối với cho vay từng lần: Ngân hàng tiến hành giải ngân trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người vay.

- Trường hợp giải ngân cho vay theo hạn mức: Mỗi lần nhận tiền vay người vay viết Giấy nhận nợ, tổng số tiền nhận nợ lần này cộng (+) dư nợ không được vượt quá hạn mức tối đa đã được phê duyệt. Ngân hàng trực tiếp giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người vay.

**\* Thu nợ, thu lãi tiền vay:**

- NHCSXH thu trực tiếp tại trụ sở nơi cho vay. Người vay nếu áp dụng loại cho vay theo hạn mức có thể trả nợ trực tiếp vào tài khoản tiền vay hoặc trích từ tài khoản tiền gửi để trả nợ hàng ngày hoặc theo chu kỳ kinh doanh thương mại.

- Việc thu lãi được thực hiện theo tháng tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

- Mỗi lần thu nợ, thu lãi, kế toán NHCSXH nơi cho vay lập phiếu thu tiền, căn cứ vào chứng từ, kế toán ghi vào hồ sơ cho vay lưu tại NHCSXH và hồ sơ người vay giữ theo đúng quy định.

**11. Bảo đảm tiền vay và thủ tục đảm bảo**

- Mức cho vay đến 50 triệu đồng: Không phải thực hiện bảo đảm tiền vay

- Mức cho vay trên 50 triệu đồng: Phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo hướng dẫn tại văn bản số 3768/NHCS-TDSV ngày 28/8/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

**12. Xử lý nợ đến hạn**

 Đến hạn trả nợ, người vay có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi đầy đủ. Trường hợp chưa trả được do nguyên nhân khách quan thì xử lý như sau:

**a. Điều chỉnh kỳ hạn nợ:** Áp dụng với khoản vay trung hạn và dài hạn

- Đối với mức vay đến 50 triệu đồng: Người vay gặp khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo (không chuyển nợ quá hạn của từng kỳ hạn).

- Đối với mức vay trên 50 triệu đồng: Người vay chưa trả nợ gốc đúng kỳ hạn đã cam kết thì trước 05 ngày phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn nợ (với thương nhân là tổ chức kinh tế viết theo mẫu 08/DNV&N) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ vào kỳ tiếp theo.

**b. Gia hạn nợ:**

- Đối với cho vay thương nhân cá nhân, cho vay Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn đến 50 triệu đồng thực hiện theo văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 về việc sửa đổi thủ tục quy trình gia hạn nợ thông thường.

- Đối với thương nhân là tổ chức, hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn vay trên 50 triệu đồng: Trước 05 ngày của kỳ hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu (với thương nhân là tổ chức kinh tế viết theo mẫu 09/DNV&N) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng thời hạn đã cho vay, đối với cho vay trung hạn, dài hạn tối đa bằng 1/2 thời hạn đã cho vay.

**c. Cho vay lưu vụ:** Chỉ áp dụng đối với loại cho vay ngắn hạn chương trình Hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

Điều kiện cho vay lưu vụ; mức cho vay lưu vụ; thời hạn cho vay lưu vụ; thủ tục cho vay lưu vụ: **Thực hiện như cho vay hộ nghèo**.

***Lưu ý:*** Nghiêm cấm thực hiện việc hạch toán giả cho vay, giả thu nợ. Mọi trường hợp cho vay lưu vụ, NHCSXH phải ghi đầy đủ các yếu tố theo quy định vào cả sổ lưu tại NHCSXH và Sổ vay vốn của người vay giữ.

**13. Chuyển nợ quá hạn**

NHCSXH thực hiện chuyển nợ quá hạn trong các trường hợp sau đây:

- Đến hạn trả nợ phân kỳ (đối với cho vay trung hạn, dài hạn và món vay trên 50 triệu đồng), người vay không được ngân hàng xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn nợ thì chuyển số tiền đến hạn của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

- Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, người vay không trả được nợ, NHCSXH không chấp thuận cho gia hạn nợ thì chuyển dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

- Người vay sử dụng vốn sai mục đích, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn hoặc chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ số dư nợ gốc.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH lập thông báo đến người vay việc chuyển nợ quá hạn theo mẫu 14/TD (với Thương nhân là tổ chức kinh tế lập theo mẫu 05/DNV&V).

**14. Kiểm tra vốn vay**

- Đối với cho vay thông qua ủy thác: Thực hiện như cho vay hộ nghèo

- Đối với cho vay trực tiếp: NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ xin vay; kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay; Kiểm tra sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/TD) và Biên bản kiểm tra sau khi cho vay theo mẫu 06/DNV&N (đối với thương nhân là tổ chức kinh tế).

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, tùy theo mức độ vi phạm của người vay quyết định xử lý như sau: Tạm ngừng cho vay; chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn hoặc khởi kiện trước pháp luật.

**15. Xử lý nợ rủi ro**: Thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 và các văn bản liên quan khác.

**VĂN BẢN LIÊN QUAN**

1. Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

2. Văn bản số 2479/NHCS-TDSV ngày 04/09/2009 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn cho vay theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của TTCP về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

3. Văn bản 677/NHCS-TD ngày 22/4/2007 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Văn bản số 576/NHCS-TDSV ngày 14/3/2016 về việc điều chỉnh mức cho vay chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

5. Văn bản 575/NHCS-TDSV ngày 14/3/2016 về việc điều chỉnh lãi suất chương trình cho vay hộ SXKD vùng khó khăn.

6. Văn bản 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

7. Văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 về việc sửa đổi thủ tục, quy trình gia hạn nợ thông thường.

8. Văn bản 5077/NHCS-TDSV ngày 02/12/2016 về việc xác nhận cho vay đối với hộ gia đình SXKD và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

9. Văn bản 5650/NHCS-TDNN ngày 28/12/2016 về việc bổ sung nội dung giao dịch dân sự giữa NHCSXH với hộ gia đình vay vốn kể từ ngày 01/01/2017.

10. Văn bản 1485/NHCS-TDSV ngày 29/3/2018 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

11. Văn bản 3791/NHCS-TDSV ngày 20/6/2019 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ tín dụng tại vùng khó khăn.

12. Nghị quyết số 195/NQ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

13. Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 16/01/2021 về việc các xã, thôn trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp tục thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội đã ban hành.

14. Các văn bản có liên quan khác.

**III. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

**1. Đối tượng cho vay**

-Cơ sở sản xuất, kinh doanh gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Hộ kinh doanh.

- Người lao động.

**2. Điều kiện cho vay**

***2.1. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh:***

- Được thành lập và hoạt động hợp pháp;

- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật (nếu có).

***2.2. Đối với người lao động:***

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án. (Địa phương nơi mà người lao động thực hiện dự án vay vốn và nơi cư trú hợp pháp của người lao động là xã, phường, thị trấn).

**3. Mức cho vay:**

Mức vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Tối đa là **02** tỷ đồng/dự án và không quá **100** triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Người lao động: Tối đa **100** triệu đồng.

**4. Lãi suất cho vay**

- Bằng lãi suất cho vay đối với **hộ cận nghèo** theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo.

**Lưu ý:** Các trường hợp sau đây được vay vốn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay vốn theo quy định trên:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**5. Thời hạn cho vay**

Tối đa 120 tháng (10 năm). Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

**6. Điều kiện bảo đảm tiền vay**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh vay **từ 100 triệu đồng trở lên,** phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định hiện hành của NHCSXH.

**7. Phương thức cho vay và thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn**

**7.1. Phương thức cho vay**

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch **(**PGD) NHCSXH cấp huyện (sau đây gọi chung là NHCSXH nơi cho vay).

b) Đối với người lao động

- NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay đối với người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn: Do cơ quan Trung ương của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam quản lý:

- NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức Hội đoàn thể đối với người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn do:

+ Uỷ ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý;

+ NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

**7.2. Thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn**

a) Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt: Đối với dự án thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.

b) Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt:

Đối với dự án thuộc nguồn vốn do cơ quan Trung ương của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý.

c) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt:

Đối với dự án thuộc nguồn vốn do NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: .

**8. Thủ tục và quy trình cho vay**

**8.1. Đối với cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cho vay**

***a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh:*** Lập 02 bộ hồ sơ vay vốn

*\* Thủ tục cho vay chung:*

- Dự án vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP);

- Bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) một trong các giấy tờ sau: Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; đối với Tổ hợp tác là Hợp đồng hợp tác; đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

**Lưu ý:** *Riêng Tổ hợp tác và Hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: Văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực của UBND cấp xã do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH;*

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay (nếu có).

*\* Thủ tục bổ sung đối với các đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định:*

- Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật: Bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp;

- Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số

+ Bản sao chứng minh nhân dân hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú

+ Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách;

- Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

+ Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số

+ Bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp

+ Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của những người lao động là người dân tộc thiểu số

+ Bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách.

\* *Quy trình cho vay:*

(1) Cơ sở sản xuất kinh doanh: Lập dự án vay vốn (Mẫu số 02), có xác nhận UBND cấp xã nơi thực hiện dự án và các giấy tờ nêu trên gửi tới NHCSXH nơi cho vay.

(2) NHCSXH nơi cho vay:

* Kiểm tra hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ tín dụng được phân công phải thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn.

- Lập 02 liên báo cáo thẩm định (mẫu số 05a/GQVL) trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng kiểm soát

- Trình Giám đốc nơi cho vay xem xét, phê duyệt, cụ thể:

*(i) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý:*

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay: Ký duyệt hồ sơ vay vốn và lập tờ trình mẫu 16/GQVL trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay.

+ Cấp có thẩm quyển quản lý vốn: Xem xét ra quyết định trong thời hạn 5 ngày làm việc, tính từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt.

* Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
* NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người đề nghị vay vốn biết theo mẫu 04a/GQVL.

*(ii) Đối với dự án thuộc nguồn vốn do NHCSXH huy động và nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:*

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt cho vay.

+ Nếu không phê duyệt cho vay thì thông báo từ chối cho vay cho khách hàng biết theo mẫu 04a/GQVL.

* Lập, ký Hợp đồng tín dụng và lập hồ sơ bảo đảm tiền vay:

Sau khi có phê duyệt cho vay của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay hoặc Quyết định phê duyệt cấp có thẩm quyền quản lý vốn, NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh:

- Lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/GQVL.

- Lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và đăng ký biện pháp bảo đảm tiền vay theo các quy định hiện hành của NHCSXH (nếu có).

* Trình phê duyệt giải ngân và giải ngân cho khách hàng:

- Cán bộ tín dụng được phân công tập hợp hồ sơ trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân.

**-**  NHCSXH thực hiện giải ngân tại trụ sở Ngân hàng nơi cho vay.

**Lưu ý:** Trước khi phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhập kho bản gốc Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã công chứng và các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành (nếu có).

* Lưu giữ hồ sơ cho vay:

- Bộ phận kế toán: Lưu 01 bộ hồ sơ cho vay và 01 liên Báo cáo thẩm định (mẫu 05a/GQVL).

- Bộ phận tín dụng: Lưu mẫu 05/GQVL.

- Cơ sở sản xuất kinh doanh: Lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

***b) Đối với người lao động*** (vay vốn từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).

\* Thủ tục vay vốn:

- Người lao động vay vốn từ nguồn vốn do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam quản lý: Lập 02 liên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01a) có xác nhận của UBND cấp xã theo nội dung hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Người lao động vay vốn thuộc nguồn vốn vốn thuộc Hội người mù Việt Nam quản lý:

+ Người vay lập 02 liên Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01a) có xác nhận của UBND cấp xã theo nội dung hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) gửi qua Hội Người mù cấp huyện.

+ Hội người mù cấp huyện tiến hành họp bình xét cho vay và lập danh sách đề nghị vay vốn NHCSXH. Sau đó, gửi bộ hồ sơ vay vốn có xác nhận của Hội Người mù cấp huyện tới NHCSXH nơi cho vay.

\* Quy trình cho vay:

* Kiểm tra hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ tín dụng được phân công phải thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ

- Lập 02 liên Báo cáo thẩm định (Mẫu số 05b/GQVL) trình Trưởng phòng/Tổ trưởng Kế hoạch – Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc xem xét, ký duyệt.

- Lập 2 liên Tờ trình về việc phê duyệt dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số mẫu số 16/GQVL) để trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay. Cụ thể:

+ Cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt.

* Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
* NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người đề nghị vay vốn biết theo mẫu 04a/GQVL.
* Lập, ký Hợp đồng tín dụng và giải ngân cho khách hàng:

- NHCSXH và người vay cùng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07b/GQVL trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân, sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý,

- NHCSXH thực hiện giải ngân tại trụ sở NHCSXH.

* Lưu giữ hồ sơ cho vay:

- Bộ phận kế toán: Lưu 01 bộ hồ sơ cho vay và 1 liên mẫu 05b/GQVL

- Bộ phận tín dụng: Lưu 01 liên mẫu 05b/GQVL

- Người vay vốn: Lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

**8.2. Đối với cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội**

\* Thủ tục vay vốn:

*-* Người vay vốn: Lập 02 liên Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01a) gửi Tổ TK&VV nơi người vay đang cư trú hợp pháp.

- Tổ TK&VV: Nhận hồ sơ của người vay, tiến hành họp Tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn. Lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD) kèm Giấy đề nghị vay vốn trình UBND cấp xã xác nhận, sau đó gửi đến NHCSXH nơi cho vay.

Người vay chưa là tổ viên của Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tại thôn, tổ dân phố nơi người vay vốn đang cư trú hợp pháp tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên, kể cả trường hợp người vay vốn thuộc hộ gia đình mà hộ gia đình đó đã là thành viên của Tổ TK&VV.

\* Quy trình cho vay:

* Kiểm tra hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt:

Trong thời hạn **10 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, cán bộ tín dụng được phân công phải thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ.

- Trình Trưởng phòng (Tổ trưởng) Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng kiểm soát.

- Trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. Cụ thể:

*(i) Đối với nguồn vốn do UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan Trung ương của tổ chức thực hiện chương trình quản lý:*

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký duyệt trên danh sách theo mẫu số 03/TD và Lập tờ trình theo mẫu số 16/GQVL để trình cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay.

+ Cấp có thẩm quyền quản lý vốn xem xét ra Quyết định phê duyệt cho vay trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ trình duyệt.

* Nếu không phê duyệt cho vay thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
* NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người đề nghị vay vốn biết theo mẫu 04a/GQVL.

*(ii) Đối với nguồn vốn do NHCSXH huy động và NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:*

+ Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt cho vay trên mẫu 03/TD.

+ Nếu không phê duyệt cho vay thì thông báo từ chối cho vay cho khách hàng biết theo mẫu 04a/GQVL.

* Lập, ký Hợp đồng tín dụng và giải ngân cho khách hàng:

- NHCSXH và người vay cùng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07b/GQVL trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt giải ngân, sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền quản lý,

*-* NHCSXH nơi cho vay lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã để thông báo cho người vay.

- NHCSXH thực hiện giải ngân tại Điểm giao dịch xã.

* Lưu giữ hồ sơ cho vay:

- Bộ phận kế toán: Lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

- Người vay vốn: Lưu 01 bộ hồ sơ cho vay.

**Lưu ý:** Nguồn vốn Trung ương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý phân bổ cho Hội người mù để lao động là người mù vay vốn thì thủ tục và quy trình cho vay được thực hiện theo quy trình “cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ TK&VV”.

**9. Tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng vay vốn**

-Cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay:

+ Thực hiện mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay.

+ Thời điểm mở tài khoản tiền gửi thanh toán thực hiện trước khi NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay.

- Người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội: Thực hiện mở tài khoản tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV.

**10. Tổ chức giải ngân**

- Trường hợp NHCSXH cho vay trực tiếp tới người vay: NHCSXH nơi cho vay thực hiện giải ngân tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

- Trường hợp NHCSXH cho vay trực tiếp có ủy thác qua tổ chức Hội, đoàn thể: NHCSXH thực hiện giải ngân tại Điểm giao dịch xã.

- NHCSXH nơi cho vay có thể giải ngân một hay nhiều lần bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt do khách hàng vay vốn và Ngân hàng thỏa thuận nhưng phải phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật, đồng thời yêu cầu khách hàng vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi cho vay - thu nợ.

Khách hàng vay vốn có trách nhiệm tuân thủ quy định về hóa đơn, chứng từ quy định của pháp luật và các quy định khác của pháp luật có liên quan và lưu giữ hóa đơn, chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay.

**11. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi**

- Định kỳ hạn trả nợ:

 + Đối với cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

+ Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng: Kỳ hạn trả nợ tối đa 6 tháng trả một lần kể từ ngày nhận món vay đầu tiên.

- Trả lãi: NHCSXH thực hiện thu lãi hàng tháng, tiền lãi nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

**12. Thu nợ gốc, thu lãi**

- Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay:

+ Khách hàng vay vốn chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán đã mở.

+ NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

- Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội:

+ NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

+ Cách thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH về quy trình ủy thác, ủy nhiệm và giao dịch xã.

**Lưu ý:** Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn. Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng phần gốc đó.

**13. Kiểm tra, giám sát:**

13.1. Đối với cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay:

- Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

- Ngoài ra, NHCSXH nơi cho vay có thể kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH nơi cho vay.

- Kết quả kiểm tra phải ghi vào Biên bản kiểm tra:

(i) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mẫu số 06/GQVL;

(ii) Đối với người lao động vay vốn theo phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay theo mẫu số 06/TD.

13.2. Đối với cho vay trực tiếp người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn:

- Thực hiện theo các quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội.

- Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/TD.

13.3. Việc thực hiện kiểm tra giám sát của chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với NHCSXH cấp huyện và bộ phận cho vay tại Hội sở NHCSXH cấp tỉnh. Ngoài việc thực hiện kiểm tra theo quy định, thì còn phải thực hiện:

- Đối với những món vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 180 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng;

- Đối với những món vay trên 500 triệu đồng đến 01 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 90 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng;

- Đối với những món vay trên 01 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 30 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay phát tiền vay lần cuối cùng.

**14. Xử lý nợ đến hạn**

***14.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ***

- Điều kiện điều chỉnh kỳ hạn nợ: Khách hàng vay vốn gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận.

- Thủ tục và quy trình điều chỉnh kỳ hạn nợ:

+ Đối với Cơ sở sản xuất kinh doanh:

(i) Trước 05 ngày đến kỳ hạn trả nợ, gửi Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo mẫu số 08/GQVL cho NHCSXH nơi cho vay.

(ii) Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt được lưu tại bộ phận kế toán.

 (iii) Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ: Có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

+ Đối với người lao động: Khi gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi thu vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo, không phải làm thủ tục gì gửi NHCSXH nơi cho vay.

***14.2. Gia hạn nợ***

- Điều kiện gia hạn nợ: Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng người vay chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ.

- Thủ tục và quy trình gia hạn nợ:

+ Đối với cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH: Khách hàng vay vốn viết Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ để NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

* Cơ sở sản xuất, kinh doanh theo mẫu số 09a/GQVL.
* Người lao động theo mẫu 09b/GQVL.

+ Đối với cho vay trực tiếp có ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội: Thực hiện theo thủ tục, quy trình hiện hành về gia hạn nợ thông thường đối với người vay vốn là tổ viên Tổ TK&VV theo mẫu số 09A/TD

- Thời gian gia hạn nợ: Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trên 12 tháng.

- Lưu giữ Giấy đề nghị gia hạn nợ: Tại bộ phận kế toán.

***14.3. Chuyển nợ quá hạn***

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh:

+ Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

+ Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

- Đối với người lao động:

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu người vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

**15**. **Xử lý các vi phạm:**

NHCSXH Căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/GQVL; mẫu số 06/TD để quyết định xử lý như sau:

15.1. Tạm dừng cho vay: Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

15.2. Chấm dứt cho vay: Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa.

- Ngân hàng nơi cho vay thông báo cho khách hàng theo mẫu số 15/GQVL trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay, NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

- Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chấm dứt cho vay do người vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

15.3. Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra:

+ Sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, NHCSXH nơi cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

+ Trường hợp khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Đối với các trường hợp khách hàng bị chuyển nợ quá hạn, khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn:

+ Mẫu số 14/GQVL áp dụng đối với phương thức cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cho vay.

+ Mẫu số 14/TD áp dụng cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác cho các các tổ chức chính trị - xã hội.

Đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền quản lý vốn phê duyệt dự án (nếu có) để tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

+ Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chuyển nợ quá hạn do khách hàng vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

15.4. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn của kỳ hạn nợ cuối cùng hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

15.5. Khởi kiện trước pháp luật: NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng; khách hàng vay vốn có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

**16. Xử lý nợ rủi ro:** Việc xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

**TÀI LIỆU LIÊN QUAN**

1. Luật việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội;

2. Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

3. Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

4. Văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì mở rộng việc làm.

**IV. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

**1. Đối tượng được vay vốn**

**a.** **Người lao động thuộc hộ nghèo** theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ.

**b. Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo** theo chuẩn cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ.

**c. Người lao động là người dân tộc thiểu số.**

**d. Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng.** Thân nhân người có công với cách mạng được Ủy ban nhân dân (UBND) xã xác nhận.

**e. Người lao động bị thu hồi đất** **gồm:**

- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo quy định (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi;

- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở.

**f. Người lao động tại các huyện nghèo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.**

**2. Nguyên tắc cho vay**

a. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

b. Khách hàng vay vốn phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng.

c. Đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch.

**3. Điều kiện cho vay**

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b. Cư trú hợp pháp tại địa phương.

c. Có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

d. Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH (nếu có).

***Lưu ý:***

 - Người lao động bị thu hồi đất phải có thêm Quyết định thu hồi đất trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

 - Người lao động tại các huyện nghèo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có hộ khẩu thường trú từ đủ 12 tháng trở lên tại các huyện nghèo và được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**4. Mục đích sử dụng vốn vay**

Vốn vay được sử dụng vào việc chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**5. Mức cho vay**

Mức cho vay tối đa bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**6. Bảo đảm tiền vay**

Mức vay từ 100 triệu đồng trở lên: Khách hàng vay vốn phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo văn bản hướng dẫn bảo đảm tiền vay của NHCSXH.

***Lưu ý:*** Đối tượng vay vốn là người lao động tại các huyện nghèo không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

**7. Lãi suất cho vay**

- Bằng lãi suất cho vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ (hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 6,6%/năm).

***Lưu ý:*** Đối tượng vay vốn là người lao động thuộc hộ nghèo hoặc người dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo được vay vốn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

**8. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng đã ký.

**9. Phương thức cho vay**

Cho vay trực tiếp đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại trụ sở Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, trụ sở NHCSXH cấp huyện nơi người lao động cư trú hợp pháp (gọi tắt là NHCSXH nơi cho vay).

**10. Hồ sơ vay vốn**

**\* Các loại giấy tờ chung:**

- Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu số 01/LĐNN).

- Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú.

- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn thời hạn của người lao động.

- Bản sao có chứng thực hợp đồng ký kết giữa người lao động với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Văn bản ủy quyền của người lao động Mẫu số 03/LĐNN.

- Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay (Mẫu số 07/LĐNN) đối với trường hợp người lao động được Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài quản lý tiền lương.

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay (Nếu có).

**\* Các loại giấy tờ bổ sung đối với một số đối tượng vay vốn:**

- Khách hàng vay vốnlà thân nhân của người có công với cách mạng: Nộp Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận Mẫu số 4 ban hành theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

- Khách hàng vay vốn thuộc đối tượngbị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Nộp Bản sao có chứng thực Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền.

**11. Quy trình, thủ tục cho vay**

**a. Người vay:** Viết Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 01/LĐNN và các loại giấy tờ khác như hồ sơ vay vốn nêu trên gửi trực tiếp cho NHCSXH nơi cho vay.

**b. Tại NHCSXH nơi cho vay:**

Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của khách hàng, NHCSXH nơi cho vay thực hiện:

- Cán bộ Tín dụng được Giám đốc phân công, thực hiện: Kiểm tra, đối chiếu, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định Mẫu số 02/LĐNN. Trình Trưởng phòng Kế hoạch - nghiệp vụ /Tổ trưởng tổ Kế hoạch – Nghiệp vụ Tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn.

- Thông báo cho khách hàng vay vốn biết kết quả phê duyệt:

+ Nếu không phê duyệt: Lập Mẫu số 04a/LĐNN ghi rõ lý do từ chối cho vay.

+ Nếu phê duyệt cho vay: Lập Mẫu 04/LĐNN.

- NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập: Hợp đồng tín dụng Mẫu số 05/LĐNN; Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định của pháp luật và quy định của NHCSXH.

- Báo cáo thẩm định và các hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm nhưng phải tuân thủ theo nội dung mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện được bàn giao cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân vốn vay cho khách hàng, trong đó Báo cáo thẩm định được lập 02 bản theo Mẫu số 02/LĐNN, 01 bản lưu tại bộ phận tín dụng, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán.

- Trước khi giải ngân: Nhập kho hồ sơ bảo đảm tiền vay và giấy tờ liên quan đến bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định; hướng dẫn khách hàng vay vốn thực hiện mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay theo quy định.

**12. Giải ngân**

- Việc giải ngân được thực hiện tại NHCSXH nơi cho vay, bằng hình thức chuyển khoản cho Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Khi giải ngân, cán bộ NHCSXH ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu khách hàng vay vốn ký nhận tiền vay trên 03 bản phụ lục Hợp đồng tín dụng và phiếu giao dịch theo quy định.

 **13. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi**

NHCSXH nơi cho vay thoả thuận với khách hàng vay vốn về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay, nhưng tối đa không quá 6 tháng/kỳ.

***Lưu ý:***

Đối tượng vay vốn là người lao động tại các huyện nghèo: NHCSXH nơi cho vay thoả thuận với khách hàng về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay, nhưng tối đa không quá 12 tháng/kỳ.

**14. Thu nợ, thu lãi**

- NHCSXH nơi cho vay trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của người vay mở tại NHCSXH để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ gốc trước hạn.

- Nếu khách hàng vay vốn chưa trả hết lãi của kỳ này thì chuyển sang thu vào kỳ kế tiếp.

- Khi khách hàng trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

**15. Xử lý nợ đến hạn**

**a. Điều chỉnh kỳ hạn nợ**

- Điều kiện được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: Khi đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng vay vốn không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

- Thủ tục điều chỉnh kỳ hạn trả nợ: Trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ, người vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (Mẫu số 08/LĐNN) gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt và được lưu ở bộ phận kế toán.

- Thời hạn điều chỉnh cho một kỳ hạn trả nợ: Có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

***Lưu ý:***

- Trường hợp khách hàng vay vốn không trả được nợ hoặc không được NHCSXH nơi cho vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì số tiền đến hạn của kỳ đó sẽ chuyển sang nợ quá hạn và lập thông báo mẫu số 11/LĐNN gửi cho khách hàng vay vốn.

- Riêng đối với người lao động tại các huyện nghèo đến kỳ hạn trả nợ, người vay không trả được nợ thì được chuyển theo dõi sang kỳ hạn tiếp theo.

**b. Gia hạn nợ**

Trước 30 ngày đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo nợ đến hạn đến người vay hoặc người được ủy quyền (Mẫu số 10/LĐNN).

- Điều kiện cho gia hạn nợ: Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, khách hàng vay vốn không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ.

- Thủ tục gia hạn nợ: Trước 05 ngày đến hạn trả nợ, người vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ Mẫu số 09/LĐNN gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ. Giấy đề nghị gia hạn nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt và được lưu ở bộ phận kế toán.

- Thời gian cho gia hạn nợ: Việc gia hạn nợ có thể thực hiện một hay nhiều lần nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn trên 12 tháng.

**c. Chuyển nợ quá hạn**

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà khách hàng chưa trả được nợ không được NHCSXH nơi cho vay xem xét gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

**16. Xử lý các vi phạm**

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, mức độ vi phạm Hợp đồng tín dụng để quyết định xử lý như sau:

**a.** **Tạm dừng cho vay:** Khi khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

**b.** **Chấm dứt cho vay**: Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục sửa chữa:

- NHCSXH thông báo cho khách hàng về việc chấm dứt cho vay Mẫu số 12/LĐNN

- Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay, NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, trường hợp khách hàng vay vốn không thực hiện trả nợ theo thông báo thì chuyển số nợ vi phạm sang nợ quá hạn.

- Mẫu số 12/LĐNN được lưu ở bộ phận kế toán.

**c. Chuyển nợ quá hạn:**

- Khách hàng vay vốn sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong Hợp đồng tín dụng, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm khách hàng vay vốn không thực hiện trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền (Mẫu số 11/LĐNN), đồng thời thông báo cho các cơ quan liên quan (Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, chính quyền địa phương,...) để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan Pháp luật để đề nghị xử lý.

**d. Xử lý tài sản bảo đảm:**

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của NHCSXH.

**e. NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:**

- Khách hàng vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.

- Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn, có năng lực tài chính, có khả năng trả nợ nhưng cố tình không trả nợ theo thỏa thuận.

- Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

**17. Xử lý nợ bị rủi ro**

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

**18. Kiểm tra, giám sát**

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

- Khách hàng vay vốn gửi bản sao kết quả cấp thị thực từ cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay và thông báo xuất cảnh của Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (nếu có) cho NHCSXH nơi cho vay để lưu vào hồ sơ vay vốn.

- Cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm thông qua người được ủy quyền, Công an xã, Trưởng thôn, UBND cấp xã để kiểm tra và xác nhận việc xuất cảnh của khách hàng vay vốn, tình trạng vắng mặt tại địa phương để đi làm việc ở nước ngoài theo Mẫu số 06/LĐNN.

- Việc kiểm tra có thể thực hiện đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH.

- Việc kiểm tra giám sát của Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với Phòng giao dịch cấp huyện và bộ phận cho vay tại cấp tỉnh ngoài thực hiện kiểm tra theo quy định thì đối với những món vay từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện kiểm tra trong phạm vi 06 tháng kể từ ngày NHCSXH giải ngân lần cuối cùng; Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình cho vay, tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn, hồ sơ bảo đảm tiền vay, hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có), kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn về mục đích sử dụng vốn (nếu có thể) và các nội dung liên quan khác.

**TÀI LIỆU LIÊN QUAN**

1. Văn bản 7886/NHCS-TDNN của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

2. Quyết định số 365/2004/QĐ-NHNN ngày 13/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Về việc cho vay đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;

3. Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

4. Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020.

**V. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY HSSV CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN**

**1. Đối tượng được vay vốn**

*(1).* Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và tại các cơ sở đào tạo nghề được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm:

- Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động.

 - Học sinh, sinh viên là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng:

 + Hộ nghèo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

 + Hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo theo quy định của pháp luật.

 - Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính do tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh trong thời gian theo học có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

*(2).* Lao động nông thôn trong độ tuổi lao động, có trình độ học vấn và sức khỏe phù hợp với nghề cần học, học nghề trong các trường: Trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp của các Bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở đào tạo nghề khác theo qui định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

*(3).* Bộ đội xuất ngũ theo học tại các cơ sở dạy nghề thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ sở dạy nghề khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo qui định tại Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

*(4).* Người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề.

*(5).* Học sinh, sinh viên Y khoa có hoàn cảnh khó khăn đã tốt nghiệp (nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp) các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Y.

 *\** Ngoài ra, các đối tượng sau đây cũng được xem xét cho vay:

- Học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng học liên thông lên cao đẳng, đại học; HSSV đang học trường này nhưng đỗ chuyển sang trường khác, Học sinh, sinh viên học hệ đại học tại chức, đào tạo từ xa.

- Lao động đã được vay vốn học nghề một lần nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan có tên trong Quyết định của UBND cấp tỉnh về việc được tiếp tục hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm theo chính sách của Đề án thì được NHCSXH tiếp tục xem xét cho vay nhưng tối đa không quá 03 lần.

- Học sinh, sinh viên mà gia đình gặp khó khăn về tài chính, đã được vay đủ 12 tháng nhưng vẫn còn khó khăn hoặc lại khó khăn tiếp nếu có văn bản nêu rõ lý do khó khăn được UBND cấp xã xác nhận. Hoặc các hộ đã được vay vốn nhưng nay thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ có thu nhập bình quân từ trên chuẩn nghèo đến tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân của hộ nghèo, được UBND xã xác nhận.

***Lưu ý:*** NHCSXH không giải quyết cho vay với những trường hợp sau:

- Học viên cao học, nghiên cứu sinh; HSSV học văn bằng thứ 2;

- Cán bộ công tác tại các ngành ở xã, huyện, tỉnh học tại chức;

- HSSV có hoàn cảnh khó khăn bị các cơ quan xử phạt hành chính trở lên về: Cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp,…;

- HSSV đang bị các trường học kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

**2. Điều kiện vay vốn**

Để được vay vốn, HSSV phải có đủ các điều kiện sau:

*(1).* Đối với HSSV vay vốn theo QĐ số 157/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với HSSV được xem xét vay vốn khi đáp ứng các điều kiện sau:

- HSSV đang sinh sống trong hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay;

- Đối với sinh viên năm thứ nhất phải có Giấy báo trúng tuyển hoặc giấy báo nhập học của cơ sở dạy nghề (trường học) hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường, cơ sở đào tạo, dạy nghề theo mẫu quy định (Mẫu 01/TDSV);

- Đối với sinh viên năm thứ 2 trở đi phải có Giấy xác nhận của nhà trường cơ sở đào tạo, dạy nghề theo mẫu quy định (Mẫu 01/TDSV).

 *(2).* Đối với lao động nông thôn học nghề trong các trường, cơ sở đào tạo thành lập và hoạt động theo qui định của pháp luật Việt Nam phải có xác nhận (mẫu 01/TDSV) hoặc giấy báo nhập học của nhà trường. Đối với người học nghề trên năm thì từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường, cơ sở đào tạo về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: Cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

Trường hợp lao động học nghề trong các cơ sở học nghề khác theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì phải có xác nhận (mẫu 01/TDSV) hoặc giấy báo nhập học của cơ sở dạy nghề, các cơ sở đó phải được cơ quan Lao động – Thương binh Xã hội địa phương cấp phép cho mở lớp dạy nghề theo Đề án quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg.

*(3).* Đối với bộ đội xuất ngũ, người vay gửi cho ngân hàng nơi cho vay bản sao có chứng thực Lệnh gọi nhập ngũ và Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ.

*(4).* Đối với Người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề:

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay và có Quyết định thu hồi đất với thời hạn trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

- Người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề năm thứ nhất phải có giấy báo trúng tuyển hoặc giấy xác nhận được vào học của nhà trường.

- Người lao động bị thu hồi đất tham gia đào tạo nghề từ năm thứ hai trở đi phải có xác nhận của nhà trường về việc đang theo học tại trường và không bị xử phạt hành chính trở lên về các hành vi: Cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp, buôn lậu.

 *(5).* Học sinh, sinh viên Y khoa đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Y trong thời gian thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được cấp chứng chỉ hành nghề đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

 - Sinh viên sau khi tốt nghiệp nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp;

 - Phải có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về: Thời gian thực hành, chi phí thực hành và chưa có hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian thực hành.

***Lưu ý:***

Cơ quan có thẩm quyền xác nhận trên Mẫu 01/TDSV: Là các trường, cơ sở giáo dục khác (gọi chung là các trường) thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp. Các đơn vị tham gia liên kết đào tạo, không trực tiếp cấp bằng tốt nghiệp cho HSSV thì không có thẩm quyền xác nhận; Đối với các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hiệu trưởng (hoặc Giám đốc) có thể uỷ quyền cho lãnh đạo đơn vị phụ trách công tác học sinh, sinh viên hoặc cơ sở đào tạo chính thức của trường ký xác nhận. Các cơ sở giáo dục khác do lãnh đạo đơn vị xác nhận. Riêng các khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, nếu có con dấu, tài khoản riêng và được Giám đốc các đại học uỷ quyền thì lãnh đạo khoa xác nhận.

**3. Mức vốn cho vay**

Mức cho vay tối đa đối với một HSSV do Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ. Mức cho vay tối đa kể từ ngày 01/12/2019 là: 2.500.000 đồng/tháng; (25.000.000 đồng/năm học) *(QĐ16561/QĐ-TTg ngày 19/11/2019điều chỉnh mức cho vay)*

Số tiền xem xét cho vay tối đa đối với mỗi HSSV đều phải căn cứ vào mức vốn cho vay tối đa hàng tháng quy định và số tháng thực tế mà sinh viên còn phải theo học tại trường/cơ sở dạy nghề. Riêng đối với sinh viên học tại chức, đào tạo từ xa được xem xét thêm cả mức thu học phí từng tháng và chi phí mua sắm sách vở, phương tiện học tập, chi phí ăn ở, đi lại (nếu có) để xác định mức cho vay.

Trường hợp một hộ gia đình có nhiều học sinh sinh viên được vay vốn thì mức cho vay tối đa của hộ là tổng số mức vay tối đa của từng sinh viên trong hộ.

***Lưu ý****:*

*(1).* Đối với những HSSV thuộc diện được miễn, giảm học phí hoặc HSSV theo học tại các trường Công an, Quân sự đã được miễn học phí và sinh hoạt phí thì loại trừ không cho vay đối với số tiền đã được miễn, giảm học phí, sinh hoạt phí... Mức học phí làm căn cứ giảm trừ là mức học phí của các trường đào tạo hệ công lập của cơ quan có thẩm quyền quy định.

 *(2)*. Đối với HSSV mà gia đình gặp khó khăn về tài chính chỉ thực hiện cho vay một lần trong thời gian học tối đa không quá 12 tháng. Trường hợp hộ đã nhận tiền vay **đủ 12 tháng** nhưng vẫn khó khăn được UBND cấp xã xác nhận thì tiếp tục được vay không quá 12 tháng (thời gian vay tiếp không được vượt quá thời hạn còn lại của khóa học).

*(3).*Trường hợp hộ gia đình đang thuộc diện gặp khó khăn về tài chính đã được vay vốn nhưng nay thuộc diện hộ nghèo, hộ có thu nhập tối đa bằng 150% mức thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nghèo, khi cho vay NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào hồ sơ để giải ngân tiếp của hộ vay để xác định bổ sung thêm số tiền cho vay do thay đổi đối tượng thụ hưởng cho phù hợp.

*(4).* Trường hợp HSSV đang vay vốn nhưng bị lưu ban (học lại một năm): NHCSXH tiếp tục cho vay để HSSV có điều kiện theo học, căn cứ vào Giấy báo nhập học (Giấy xác nhận) và nội dung giấy đề nghị đã có xác nhận của Tổ trưởng Tổ TK&VV, UBND xã để điều chỉnh lại mức cho vay cho phù hợp.

*(5).* Trường hợp HSSV đã vay vốn để học đại học (cao đẳng) nhưng năm học mới vì một số nguyên nhân khách quan không thể tiếp tục học được mà chuyển sang học tại trường trung cấp (học nghề) khi cho vay NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào Giấy báo nhập học (Giấy xác nhận) và nội dung giấy đề nghị đã có xác nhận của Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), UBND xã để điều chỉnh lại mức cho vay cho phù hợp.

*(6).* Trường hợp HSSV đã vay vốn để học trung cấp (cao đẳng) nhưng năm học mới thi đỗ vào trường cao đẳng (đại học) và chuyển sang học cao đẳng (đại học), hoặc trường hợp HSSV đã học 01 trường đại học nay thi đỗ một trường đại học khác và chuyển sang học ở trường mới đỗ, khi cho vay NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào Giấy báo nhập học (Giấy xác nhận) và nội dung giấy đề nghị đã có xác nhận của Tổ trưởng Tổ TK&VV, UBND xã để điều chỉnh lại mức cho vay cho phù hợp.

*(7).* Đối với HSSV học liên thông lên đại học, NHCSXH cho vay bổ sung thêm số tiền trong thời gian HSSV học liên thông.

**4. Mục đích sử dụng vốn vay**

Nộp học phí, chi phí để mua sắm sách vở, phương tiện học tập nghiên cứu và các chi phí khác phục vụ cho việc học tập của HSSV.

**5. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi được thoả thuận trong Sổ vay vốn. Thời hạn cho vay bao gồm thời hạn phát tiền vay và thời hạn trả nợ.

 ***(1). Thời hạn phát tiền vay:*** Là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày HSSV kết thúc khoá học (đối với sinh viên Y khoa sau khi tốt nghiệp là thời gian thực hành), kể cả thời gian HSSV được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn và được bảo lưu kết quả học tập, thời gian lưu ban (nếu có).

 ***(2). Thời hạn trả nợ*:** Là khoảng thời gian được tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc và lãi. Người vay và Ngân hàng thoả thuận thời hạn trả nợ cụ thể nhưng không vượt quá thời hạn trả nợ tối đa được quy định cụ thể như sau:

- Đối với các chương trình đào tạo có thời gian đào tạo đến một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng hai lần thời hạn phát tiền vay.

- Đối với các chương trình đào tạo trên một năm, thời gian trả nợ tối đa bằng thời hạn phát tiền vay.

 \* Món nợ gốc và lãi đầu tiên phải trả khi HSSV ra trường, có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học. (gọi tắt là **thời gian chờ việc làm** và được áp dụng chung cho tất cả các chương trình đào tạo có thời gian đến hoặc trên 1 năm).

Như vậy, ***thời hạn cho vay tối đa = Thời hạn phát tiền vay + thời gian chờ việc làm + thời hạn trả nợ.***

Ví dụ 1: Ông Nguyễn văn A thuộc diện hộ nghèo và được NHCSXH cho vay vốn để cho con đi học nghề với thời gian 11 tháng. Ông A đủ điều kiện vay vốn, thì:

- Thời hạn phát tiền vay của hộ: 11 tháng

- Thời gian chờ việc làm: 12 tháng

- Thời hạn trả nợ của hộ: 22 tháng

- Thời hạn cho vay tối đa của hộ ông A = 11 + 12 + 22 = 45 tháng.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn văn B thuộc diện hộ nghèo và được NHCSXH cho vay vốn để cho con đi học đại học 4 năm. Ông B đủ điều kiện vay vốn

* Giả sử ông B nhận tiền vay ngay từ năm đầu, thì:

- Thời hạn phát tiền vay của hộ ông B: 48 tháng

- Thời gian chờ việc làm: 12 tháng

- Thời hạn trả nợ của hộ ông B: 48 tháng

- Thời gian cho vay tối đa của hộ ông B = 48 + 12 + 48 = 108 tháng.

* Giả sử năm học thứ 2 ông B mới vay NHCSXH thì:

- Thời hạn phát tiền vay của hộ ông B: 36 tháng

- Thời gian chờ việc làm: 12 tháng

- Thời hạn trả nợ của hộ ông B: 36 tháng

- Thời gian cho vay tối đa của hộ ông B = 36 + 12 + 36 = 84 tháng.

* Giả sử năm học cuối cùng ông B không vay NHCSXH thì:

- Thời hạn phát tiền vay của hộ ông B: 48 tháng

- Thời gian chờ việc làm: 12 tháng

- Thời hạn trả nợ của hộ ông B: 48 tháng

- Thời gian cho vay tối đa của hộ ông B = 48 + 12 + 48 = 108 tháng.

**\* Một số trường hợp đặc thù và cách tính thời gian như sau:**

(1). Trường hợp, một hộ gia đình vay vốn để chi phí học tập cho nhiều HSSV cùng một lúc, nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau, thì thời hạn cho vay được xác định riêng theo từng HSSV.

(2). Trường hợp HSSV đang vay vốn, đi nghĩa vụ quân sự hoặc tham gia nghĩa vụ trong lực lượng công an nhân dân trong thời gian đang theo học hoặc sau khi đã tốt nghiệp thì số tiền đã nhận nợ trước khi tham gia nghĩa vụ quân sự được kéo dài thời gian trả nợ và được miễn lãi tiền vay tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của HSSV đó.

Thời gian phục vụ tại ngũ/tham gia nghĩa vụ của HSSV tham gia nghĩa vụ quân sự (hạ sĩ quan, binh sĩ) được tính từ ngày ghi trên Lệnh gọi nhập ngũ đến ngày kết thúc thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự (là ngày tháng có hiệu lực của các Quyết định về việc quân nhân xuất ngũ).

Thời hạn cho vay đối với HSSV nhập ngũ/tham gia nghĩa vụ được cộng thêm thời gian tại ngũ theo quy định. (VB 1233/NHCS-TDSV ngày 17/4/2017).

 Nếu không có các giấy tờ chứng minh trên thì số dư nợ đó không được kéo dài thời gian trả nợ và không được miễn lãi tiền vay tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ (VB 3262/NHCS-TDSV ngày 24/8/2016 về trả lời vướng mắc... tại Nghệ An, Khánh Hòa).

Ví dụ 3: Bà Nguyễn Thị K thuộc diện hộ nghèo và được NHCSXH cho vay vốn để cho con đi học đại học 4 năm. Giả sử sau khi kết thúc khóa học con Bà phải đi làm nghĩa vụ quân sự là 2 năm. Hộ nhận tiền vay ngay từ năm học đầu tiên, thì:

+ Thời gian phát tiền vay của hộ bà K = 4 năm

+ Thời hạn trả nợ của hộ bà K = 4 năm + 2 năm (kéo dài) = 6 năm

+ Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 4 năm + 1 năm (chờ việc) + 6 năm = 11 năm

(3). Trường hợp học sinh sinh viên Y khoa đề nghị vay vốn để đi thực hành (chưa vay chương trình HSSV tại NHCSXH):

Thời hạn cho vay = Thời hạn phát tiền vay + thời hạn trả nợ:

- Thời hạn phát tiền vay là khoảng thời gian tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày sinh viên tốt nghiệp kết thúc thời gian thực hành.

- Thời hạn trả nợ là khoảng thời gian tính từ ngày người vay trả món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ (gốc và lãi). Thời hạn trả nợ tối đa bằng 2 lần thời hạn phát tiền vay.

***Lưu ý****:* Trường hợp này, không được tính thời gian chờ việc làm.

Ví dụ 4: Ông Lê Văn M thuộc diện hộ nghèo, kết thúc khóa học trường đại học Y khoa 6 tháng, con bà đi thực hành 2 năm để được cấp chứng chỉ hành nghề nên gia đình có nhu cầu vay vốn và được NHCSXH cho vay, thì:

+ Thời hạn phát tiền vay của hộ: 2 năm

+ Thời hạn trả nợ của hộ: 4 năm

+ Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 2 năm + 4 năm = 6 năm

 (4) Trường hợp học sinh sinh viên Y khoa đề nghị vay vốn để đi thực hành (đã vay vốn và đang có dư nợ chương trình HSSV tại NHCSXH):

Thời hạn cho vay = Thời hạn phát tiền vay + Thời gian chờ việc sau khi tốt nghiệp (tối đa không quá 12 tháng) + Thời hạn trả nợ.

***\**** *Thời hạn phát tiền vay:* Bằng thời hạn phát tiền vay của món vay đã tốt nghiệp trước đây cộng (+) thời hạn phát tiền vay lần này (tối đa 24 tháng)

*\* Thời gian chờ việc:*Không quá 12 tháng, kể từ ngày HSSV tốt nghiệp.

***\**** *Thời hạn trả nợ*:Bằng thời hạn phát tiền vay của món vay đã tốt nghiệp trước đây cộng tối đa 2 lần thời hạn phát tiền vay lần này (tối đa 48 tháng).

***Lưu ý****:* Trường hợp HSSV tốt nghiệp và đi thực hành ngay, thì thời gian chờ việc làm = 0

Ví dụ 4: Ông Lê Văn Đ thuộc diện hộ nghèo, được NHCSXH cho vay để cho con đi Đại học Y khoa 6 năm. Kết thúc khóa học 5 tháng, con bà được NHCSXH cho vay đi thực hành 2 năm để được cấp chứng chỉ hành nghề, thì:

+ Thời hạn phát tiền vay của hộ = 6 năm + 2 năm = 8 năm

+ Thời hạn trả nợ của hộ = 6 năm + 4 năm = 10 năm

+ Thời gian chờ việc của hộ: 5 tháng

+ Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 8 năm + 5 tháng + 10 năm = 18 năm 5 tháng.

\* Giả sử, sau khi tốt nghiệp, con ông được vay vốn đi thực hành ngay, thì:

+ Thời hạn phát tiền vay của hộ = 6 năm + 2 năm = 8 năm

+ Thời hạn trả nợ của hộ = 6 năm + 4 năm = 10 năm

+ Thời gian chờ việc của hộ: 0 tháng

+ Thời hạn cho vay tối đa của hộ = 8 năm + 10 năm = 18 năm.

**6. Lãi suất cho vay**

 - Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ. HSSV nhận tiền vay tại thời điểm nào thì hưởng lãi suất cho vay thông báo tại thời điểm đó. Hiện nay, lãi suất cho vay là 0,55%/tháng;

 - Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**7. Thủ tục và quy trình cho vay**

***a) Đối với cho vay thông qua hộ gia đình:***

\* *Hồ sơ vay vốn gồm:*

**(1).** Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) kèm Giấy xác nhận của nhà trường (bản chính) hoặc Giấy báo nhập học (bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực). *(VB 1485/NHCS-TDSV ngày 29/3/2018)*

- Nếu là Bộ đội xuất ngũ thì phải kèm Quyết định quân nhân xuất ngũ (bản sao có chứng thực của UBND cấp xã).

- Trường hợp HSSV đang vay vốn tham gia nghĩa vụ quân sự hoặc đã vay vốn sau khi tốt nghiệp tham gia nghĩa vụ quân sự thì phải kèm theo:

**+** Lệnh gọi nhập ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)

**+** Quyết định xuất ngũ (bản sao có công chứng hoặc chứng thực)

**+** Quyết định về việc tuyển dụng công nhân viên chức quốc phòng hoặc Quyết định về việc chuyển chế độ từ Hạ sĩ quan, binh sĩ sang chế độ Quân nhân chuyên nghiệp (bản sao có công chứng hoặc chứng thực).

- Đối với HSSV Y khoa, phải kèm Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian thực hành theo mẫu 02/TDSV.

- Các trường hợp trước đây đã vay nay chuyển sang trường khác, học liên thông, chuyển địa phương, khi viết Giấy đề nghị vay vốn cần ghi rõ lý do và số tiền đã được vay vốn..., đề nghị NHCSXH cho vay tiếp số tiền...., thời gian vay.... (bao gồm thời gian đã học trước đó), sau đó xin xác nhận của Tổ trưởng Tổ TK&VV, Ủy ban nhân dân cấp xã về nội dung trình bày là đúng và gia đình thuộc diện hộ... (diện được vay vốn theo Quyết định số 157)

- Trường hợp HSSV đang vay vốn nhưng bị lưu ban hoặc ốm đau được nhà trường cho phép nghỉ học có thời hạn: Giấy đề nghị ghi rõ nội dung HSSV bị lưu ban hoặc ốm đau

**(2).** Danh sách hộ gia đình có HSSV đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD). Do Tổ TK&VV họp bình xét và lập.

**(3).** Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu số 10C/TD).

**(4).** Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD)

*\* Quy trình cho vay:* Được thực hiện như cho vay hộ nghèo

***b) Đối với cho vay trực tiếp HSSV mồ côi***

Áp dụng đối với HSSV mồ côi cả cha và mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không còn khả năng lao động, được vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi địa bàn nhà trường đóng trụ sở.

*\* Hồ sơ vay vốn bao gồm:*

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay *(mẫu số 01/TD)* kèm Giấy xác nhận của nhà trường *(mẫu số 01/TDSV**bản chính)* hoặc Giấy báo nhập học *(bản chính hoặc b*ản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

- Giấy xác nhận HSSV thuộc đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động của UBND cấp xã nơi HSSV cư trú trước khi nhập trường (Mẫu số 01/XNSV).

Riêng đối với HSSV chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động phải gửi kèm Giấy chứng nhận tình trạng sức khỏe, bệnh tật của cơ quan y tế cấp huyện trở lên.

*\* Quy trình cho vay:*

Bước 1: HSSV viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay *(mẫu số 01/TD)* kèm hồ sơ liên quan gửi NHCSXH nơi nhà trường đóng trụ sở.

Bước 2: Cán bộ NHCSXH được phân công, thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ vay vốn. Trường hợp cần thiết có thể kiểm tra, đối chiếu tính chính xác của hồ sơ vay vốn, sau đó trình Trưởng phòng KHNV tín dụng (hoặc Tổ trưởng tổ Kế hoạch nghiệp vụ) kiểm tra ký tên, sau đó trình Giám đốc phê duyệt cho vay.

**8. Tổ chức giải ngân**

- Việc giải ngân của NHCSXH được thực hiện một năm 2 lần vào các kỳ học: Số tiền giải ngân từng lần căn cứ vào mức cho vay/tháng và số tháng của từng học kỳ. Giấy xác nhận của nhà trường hoặc Giấy báo nhập học được sử dụng làm căn cứ giải ngân cho 2 lần của năm học đó. Để giải ngân cho năm học tiếp theo phải có Giấy xác nhận mới của nhà trường.

- NHCSXH có thể giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền cho HSSV nhận tiền mặt tại trụ sở NHCSXH nơi gần trường học của HSSV (không thu phí) hoặc chuyển khoản đóng học phí cho nhà trường theo đề nghị của người vay.

Để được giải ngân qua thẻ cho HSSV, NHCSXH đã ký hợp đồng hợp tác với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) về việc phát hành thẻ để thực hiện giải ngân. HSSV phải có thẻ tại Agribank hoặc Vietinbank, HSSV chưa có thẻ sẽ được Agribank hoặc Vietinbank cấp thẻ miễn phí.

**-** Đối với giải ngân cho vay HSSV mồ côi: Trong thời gian 30 ngày sau mỗi kỳ giải ngân, NHCSXH nơi cho vay thông báo đến nhà trường *(Phòng công tác Học sinh, sinh viên hoặc Phòng đào tạo...)* tình hình vay vốn của HSSV mồ côi để cùng phối hợp quản lý, nhắc nhở HSSV có ý thức trách nhiệm khi vay vốn tại NHCSXH. Đồng thời nhà trường cũng thông báo ngay cho NHCSXH khi HSSV mồ côi bỏ học, thôi học, kỷ luật,... (Mẫu số 02/TBSV).

**9. Định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi tiền vay**

***a. Định kỳ hạn trả nợ:***

 - Khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay cùng người vay thoả thuận việc định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay. Người vay phải trả nợ gốc và lãi tiền vay lần đầu tiên khi HSSV có việc làm, có thu nhập nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày HSSV kết thúc khoá học. Số tiền cho vay được phân kỳ trả nợ tối đa 6 tháng 1 lần, phù hợp với khả năng trả nợ của người vay do Ngân hàng và người vay thoả thuận ghi vào sổ vay vốn.

- Đối với sinh viên Y khoa đã tốt nghiệp, ngay khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ thực hành cuối cùng, 2 bên thỏa thuận, người vay trả gốc và lãi tiền vay đầu tiên từ ngay sau khi sinh viên kết thúc thời gian thực hành.

- Trường hợp người vay vốn cho nhiều HSSV cùng một lúc nhưng thời hạn ra trường của từng HSSV khác nhau, thì việc định kỳ hạn trả nợ được xác định riêng theo từng HSSV.

- Trường hợp gia đình gặp khó khăn về tài chính, ngân hàng và hộ vay tiến hành thỏa thuận kỳ hạn trả nợ ngay khi giải ngân. Khi hộ vay đã nhận tiền vay đủ 12 tháng nhưng đủ điều kiện để được vay tiếp, khi giải ngân khoản vay này thì ngân hàng nơi cho vay tiếp tục định kỳ hạn nợ, thời hạn trả nợ bao gồm cả thời hạn trả nợ của số tiền giải ngân trước và thời hạn phát tiền vay lần này.

- Trường hợp HSSV không nhận hết số tiền vay được duyệt, NHCSXH nơi cho vay xác định kỳ hạn trả nợ căn cứ vào lịch kết thúc khóa học của HSSV ghi trên Giấy xác nhận gần nhất.

 ***b. Thu nợ gốc:***

- Việc thu nợ gốc được thực hiện theo phân kỳ trả nợ đã thoả thuận

- Trường hợp người vay có khó khăn chưa trả được nợ gốc theo đúng kỳ hạn trả nợ theo phân kỳ (kỳ con) thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

***c. Thu lãi tiền vay:***

- Lãi tiền vay được tính từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. NHCSXH nơi cho vay thoả thuận với người vay trả lãi theo tháng trong thời hạn trả nợ. Trường hợp, người vay có nhu cầu trả lãi theo định kỳ hàng tháng, quý trong thời gian phát tiền vay thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu theo yêu cầu của người vay.

- Đối với các khoản nợ quá hạn, thu nợ gốc đến đâu thì thu lãi đến đó; trường hợp người vay thực sự khó khăn có thể ưu tiên thu gốc trước thu lãi sau.

- Đối với HSSV đã vay vốn sau khi tốt nghiệp đi nghĩa vụ quân sự hoặc được tuyển chọn phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân, được kéo dài thời gian trả nợ và được **miễn lãi tiền vay** tương ứng với thời gian phục vụ tại ngũ của HSSV đó, nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày HSSV nhập ngũ.

- Các trường hợp trả nợ gốc trước hạn (kể cả trường hợp được kéo dài thời gian trả nợ) được hưởng chính sách giảm lãi của Nhà nước. Cụ thể như sau:

\* *Số tiền lãi được giảm khi trả nợ trước hạn.*

Số tiền lãi được giảm tính trên số tiền gốc trả nợ trước hạn và thời gian trả nợ trước hạn của người vay. Mức lãi suất được giảm bằng 50% lãi suất cho vay.

Số tiền lãi được giảm cho mỗi lần trả nợ trước hạn được tính theo công thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số tiền lãi được giảm | **=** | Số tiền gốc trả nợ trước hạn | **x** | Số ngày trả nợ trước hạn | **x** | Lãi suất cho vay (%/tháng)30 ngày | **x** | 50% |

Số ngày trả nợ trước hạn được tính từ ngày trả nợ đến ngày trả nợ cuối cùng ghi trên sổ vay vốn. Trường hợp thời hạn trả nợ chưa ghi trên sổ vay vốn thì NHCSXH xác định ngày trả nợ cuối cùng tối đa theo quy định.

***\**** *Thực hiện trả tiền lãi được giảm*

Thoái trả tiền lãi được giảm tính một lần khi người vay trả hết nợ cho NHCSXH (cả gốc và lãi) và không vượt quá tổng số lãi tiền vay phải trả của khế ước đó, cụ thể:

- Trường hợp tổng số lãi được giảm nhỏ hơn hoặc bằng số tiền lãi còn phải trả, Ngân hàng thực hiện khấu trừ trực tiếp vào số lãi còn phải trả.

- Trường hợp tổng số lãi được giảm lớn hơn số lãi còn phải trả, Ngân hàng thực hiện thoái trả cho khách hàng phần chênh lệch giữa số lãi được giảm với số lãi còn phải trả, nhưng số thoái trả không được vượt quá tổng số tiền lãi người vay đó trả.

**10. Xử lý nợ đến hạn**

***a) Gia hạn nợ:***

- Đến thời điểm trả nợ cuối cùng, nếu người vay có khó khăn khách quan chưa trả được nợ thì được NHCSXH cho gia hạn nợ.

- Thủ tục gia hạn nợ:

+ Đối với cho vay thông qua hộ gia đình: Thực hiện như cho vay hộ nghèo.

+ Đối với cho vay HSSV mồ côi: HSSV viết giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu 09/TD gửi NHCS nơi cho vay để xem xét giải quyết.

- Thời gian cho gia hạn nợ: Tuỳ từng trường hợp cụ thể, ngân hàng có thể cho gia hạn một hay nhiều lần cho một khoản vay, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ.

***b) Chuyển nợ quá hạn:***

Người vay không trả nợ đúng hạn theo kỳ hạn trả nợ cuối cùng và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng nơi cho vay phối hợp với chính quyền sở tại, các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ TK&VV và tổ chức, cá nhân sử dụng lao động là HSSV đã được vay vốn để thu hồi nợ. Trường hợp, người vay có khả năng trả nợ thì xem xét chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi vốn theo quy định của pháp luật.

**11. Xử lý nợ rủi ro**

Thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 và các văn bản liên quan khác.

**12. Kiểm tra vốn vay**

- Đối với những trường hợp vay vốn thông qua hộ gia đình: Kiểm tra như cho vay hộ nghèo.

- Đối với trường hợp HSSV vay trực tiếp tại NHCSXH nơi trường đóng trụ sở: NHCSXH nơi cho vay trực tiếp kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ xin vay và kiểm tra thực tế việc sử dụng vốn vay (Mẫu số 06/TD).

**13. Về cam kết trả nợ**

- Đối với cho vay HSSV thông qua hộ gia đình: Trước kỳ thi tốt nghiệp tối thiểu 2 tuần, sinh viên đã vay vốn vẫn còn dư nợ tại NHCSXH phải làm giấy cam kết trả nợ theo (Mẫu 05/TDSV) nộp cho nhà trường.

 - Đối với cho vay HSSV mồ côi: Khi giải ngân số tiền cho vay của kỳ học cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay định kỳ hạn trả nợ của toàn bộ số tiền cho vay và yêu cầu HSSV mồ côi viết cam kết trả nợ *(Mẫu số 03/CKSV).* Nếu HSSV mồ côi bỏ học, thôi học... và không nhận tiền vay kỳ cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay định kỳ hạn trả nợ và phải tìm mọi biện pháp liên hệ với HSSV mồ côi để yêu cầu HSSV mồ côi viết cam kết trả nợ.

Chỉ sau khi học sinh, sinh viên vay vốn làm giấy cam kết trả nợ thì nhà trường mới làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp, phát bằng tốt nghiệp và trả hồ sơ cho học sinh, sinh viên.

**CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN**

1. Quyết định 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;

2. Văn bản 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;

3. Văn bản 2225/NHCS-TD ngày 30/10/2007 về giải đáp một số vướng mắc về cho vay đối với học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;

4. Văn bản 1883/NHCS-TD ngày 10/7/2008 về ban hành giấy cam kết trả nợ và thay giấy xác nhận;

5. Văn bản 2883/NHCS-TD ngày 16/10/2008 về giải đáp một số vướng mắc về cho vay đối với học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn;

6. Văn bản 1964/NHCS-TDSV ngày 15/7/2009 về một số nội dung bổ sung và chỉnh sửa cho vay học sinh sinh viên năm học 2009 - 2010;

7. Văn bản 2525/NHCS-TDSV ngày 07/9/2009 về việc giải ngân qua thẻ đối với chương trình cho vay HSSV có hoàn cảnh khó khăn;

8. Văn bản 3182/NHCS-TDSV ngày 21/12/2010 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 121/2009/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 và Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

9. Văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

10. Văn bản số 883/NHCS-TDSV ngày 19/4/2011 về việc giải đáp vướng mắc về nghiệp vụ tín dụng;

11. Văn bản số 1662/NHCS-TDSV ngày 08/7/2011 về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 853/QĐ-TTg ngày 03/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

12. Văn bản số 2364/NHCS-TDSV ngày 27/9/2011 v/v giải đáp vướng mắc về nghiệp vụ tín dụng chương trình cho vay HSSV;

## 13. Văn bản 468/NHCS-TDSV ngày 02/3 2015 của Tổng Giám đốc;

14. Văn bản 1852/NHCS-TDSVngày 17/6/2015 về sửa đổi nghiệp vụ cho vay HSSV mồ côi;

15. Văn bản 1125/NHCS-TDSV ngày 26/4/2016 Hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên Y khoa đã tốt nghiệp;

16. Văn bản 3262/NHCS-TDSV ngày 24/8/2016 về việc trả lời vướng mắc sau Hội nghị tập huấn chuyên đề Tín dụng, kế toán và quản lý tài chính tại Nghệ An và Khánh Hòa;

17. Văn bản 1485/NHCS-TDSV ngày 29/3/2018 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điểm trong các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

18. Văn bản 4098/NHCS-TDNN-HSSV-QLN ngày 04/7/2019 về việc trả lời vướng mắc sau Hội nghị tập huấn chuyên đề Tín dụng năm 2019;

19. Văn bản khác có liên quan.

**VI. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**

**1. Đối tượng được vay**

- Các hộ gia đình thuộc khu vực nông thôn bao gồm các xã thuộc huyện, các xã thuộc thị xã và xã thuộc thành phố thuộc tỉnh.

***Lưu ý:***

(1) Các hộ trước đây đã vay và **đã trả hết nợ vốn vay**, có nhu cầu vay mới để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã sử dụng nhiều năm, bị hư hỏng, xuống cấp, không đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia được UBND cấp xã xác nhận thì tiếp tục được vay.

(2) Đối với hộ gia đình có các thành viên trên 60 tuổi không có con, chưa có công trình NS&VSMTNT được vay vốn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (vb 4098)

- Có hộ khẩu thường trú hoặc đăng ký tạm trú dài hạn ở khu vực nông thôn.

- Chưa có công trình NS&VSMTNT hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn được UBND xã xác nhận.

- Là thành viên Tổ TK&VV và được bình xét có tên trong danh sách được UBND cấp xã xác nhận.

**2. Điều kiện vay vốn**

NHCSXH xem xét và quyết định cho vay khi hộ vay có đủ các điều kiện sau:

- Hộ gia đình cư trú hợp pháp tại địa phương thuộc khu vực nông thôn nơi NHCSXH đóng trụ sở.

- Chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường (NS&VSMT) hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn được UBND cấp xã xác nhận.

- Hộ vay không phải thế chấp tài sản nhưng phải là thành viên Tổ TK&VV, được Tổ bình xét lập thành Danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của UBND cấp xã về địa chỉ cư trú hợp pháp của các hộ gia đình tại xã, chưa có công trình NS&VSMT hoặc đã có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường.

**3. Mục đích sử dụng vốn vay**

Mua nguyên vật liệu; Trả công xây dựng; Các chi phí cần thiết khác cho việc xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch, công trình vệ sinh bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc gia về NS&VSMT nông thôn (hố xí hoặc hố xí kèm bể biogaz, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; xử lý nước thải, rác thải khu vực làng nghề nông thôn).

**Lưu ý:** Nếu đầu tư xây dựng chuồng trại để nuôi gia súc, gia cầm mà không đảm bảo theo chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thì không đúng mục đích vay vốn của chương trình.vb 4098

**4. Mức cho vay**

- Mức cho vay được xác định căn cứ vào: (i) Giá trị dự toán công trình do hộ gia đình lập đối với công trình quy mô hộ gia đình hoặc do đơn vị tư vấn lập đối với công trình tập trung nhưng không được vượt quá giá trị dự toán công trình theo thiết kế mẫu do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định trong từng thời kỳ;(ii) Nhu cầu xin vay vốn của hộ gia đình.

- Mức cho vay tối đa đối với mỗi loại công trình 10 triệu đồng/công trình/hộ. Nếu hộ được vay cả hai loại công trình (công trình nước sạch và công trình vệ sinh) thì mức cho vay tối đa là 20 triệu đồng.

**5. Lãi suất cho vay**

- Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định từng thời kỳ, hiện nay lãi suất cho vay là 0,75%/tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

**6. Phương thức cho vay và thời hạn cho vay**

- *Phương thức cho vay*: Cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay.

-*Thời hạn cho vay:* Tối đa không quá 60 tháng*.*

**7. Quy trình và thủ tục cho vay**

**-** *Hồ sơ cho vay:*

+ Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD)

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (Mẫu số 03/TD)

+ Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu 10C/TD)

+ Sổ vay vốn.

 *- Quy trình cho vay:* Thực hiện như cho vay hộ nghèo

 **8. Tổ chức giải ngân**

Tuỳ theo hình thức thi công, NHCSXH tổ chức giải ngân như sau:

***\* Đối với công trình của từng hộ riêng biệt do hộ tự làm hoặc thầu khoán***

- Giải ngân trực tiếp cho người vay hoặc giải ngân theo phương thức thanh toán tay ba (hộ vay ký nhận tiền vay và số tiền vay này được chuyển thẳng cho đơn vị nhận thầu khoán xây dựng công trình).

- Căn cứ vào tình hình thực tế, NHCSXH có thể giải ngân một lần hoặc nhiều lần số tiền cho vay được duyệt.

***\* Đối với công trình cấp nước và vệ sinh môi trường tập trung*** (các hộ cùng góp vốn để xây dựng và được sử dụng chung):

- Việc giải ngân thực hiện theo phương thức thanh toán tay ba, hộ vay nhận nợ NHCSXH và NHCSXH chuyển tiền cho đơn vị nhận thầu.

- Việc giải ngân thực hiện làm hai đợt: đợt một ứng trước tối đa 70% số tiền cho vay theo Sổ vay vốn, đợt hai giải ngân số tiền cho vay còn lại sau khi công trình đã nghiệm thu bàn giao của các bên có liên quan (Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đơn vị xây dựng, các hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình và UBND cấp xã).

**9. Định kỳ hạn nợ, thu nợ, thu lãi**

*- Định kỳ hạn trả nợ:* Số tiền cho vay được phân kỳ hạn trả nợ 6 tháng 1 lần, số tiền trả nợ từng lần do Ngân hàng và hộ vay thỏa thuận.

- *Thu nợ gốc:* Thu theo phân kỳ đã thỏa thuận. Trường hợp khách hàng không trả được số nợ của kỳ hạn trước được chuyển trả vào kỳ hạn tiếp theo

- *Thu tiền lãi:* Thực hiện thu theo tháng.

***Lưu ý:*** Trong thời gian chưa trả hết nợ, hộ dân không được tự động bán, chuyển nhượng, cầm cố công trình cho người khác. Trường hợp các hộ dân bán, chuyển nhượng nhà, đất có chung hoặc có riêng các công trình này thì phải có cam kết trả nợ (gốc và lãi), được UBND xã và NHCSXH xác nhận với nguyên tắc **người bán phải trả được nợ**.

 **10. Gia hạn nợ, xử lý nợ rủi ro và kiểm tra vốn vay:** Thực hiện như cho vay Hộ nghèo.

**11. Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:**

- Hộ vay sử dụng vốn sai mục đích.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng và hộ vay không được gia hạn nợ thì Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

**VII. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY HỖ TRỢ HỘ NGHÈO VỀ NHÀ Ở THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 (167 giai đoạn 2)**

**1. Đối tượng được vay vốn**

Hộ gia đình nghèo có tên trong Danh sách hộ nghèo được vay vốn tại Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh phê duyệt và cung cấp cho NHCSXH. Trường hợp hộ nghèo có tên trong Danh sách hộ nghèo được vay vốn tại Đề án hỗ trợ nhà ở đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt, nhưng trong quá trình thực hiện chính sách này đã thoát nghèo, thì vẫn được xem xét cho vay vốn để làm nhà ở theo hướng dẫn tại văn bản này.

***Lưu ý:***

- Hộ gia đình nghèo được hỗ trợ vay vốn theo Quyết định này phải là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ Tướng chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 có hiệu lực tối thiểu 05 năm.

- Trường hợp hai vợ chồng đều già cả, không có con thuộc đối tượng vay vốn đã có tên trong Đề án được phê duyệt, trước khi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cần báo cáo Ban đại diện HĐQT và lãnh đạo cấp Ủy, chính quyền địa phương biết để có biện pháp hỗ trợ.

- Trường hợp hộ vay đang có nợ quá hạn, lãi tồn đọng các chương trình tín dụng khác của NHCSXH nhưng có tên trong Đề án được duyệt thì khi cho vay, NHCSXH nơi cho vay cần phối hợp với Hội đoàn thể, Ban quản lý tổ TK&VV xem xét nguyên nhân và báo cáo UBND cấp xã xin ý kiến chỉ đạo để có giải pháp cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ, trả lãi của hộ vay.

**2. Điều kiện cho vay**

Các hộ nghèo được vay phải đang cư trú tại khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum, sóc (gọi chung là thôn) trực thuộc phường, thị trấn hoặc xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhưng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp.Điều 3.QĐ33

- Chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

- Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác;

- Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sụp đổ.

***Lưu ý:* Những trường hợp sau đây không thuộc đối tượng vay vốn:**

- Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 1151/QĐ-TTg ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung các dự án đầu tư (giai đoạn 2) thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long;

- Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

- Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung;

- Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão, lụt khu vực miền Trung.

**3. Nguyên tắc vay vốn**

Hộ vay vốn phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

- Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn đã thỏa thuận.

**4. Mức cho vay tối đa:** 25 triệu đồng/hộ.

***Lưu ý:***Trường hợp hộ nghèo đã vay vốn làm nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg, nay nhà hư hỏng, dột nát mà không có khả năng cải tạo, nếu thuộc đối tượng thụ hưởng theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg và có tên trong đề án được UBND cấp tỉnh phê duyệt thì vẫn được vay với mức 25 triệu đồng (không tính dư nợ khoanh đã vay làm nhà ở theo Quyết định 167/2008/QĐ-TTg trước đó.

**5. Lãi suất cho vay:**

- Lãi suất cho vay: 3%/năm (0,25%/tháng);

- Lãi suất nợ quá hạn: bằng 130% lãi suất khi cho vay (3,9%/năm).

**6. Sử dụng vốn vay:** Vốn vay được sử dụng vào việc xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở (mua vật liệu xây dựng, chi phí nhân công,...).

**7. Thời hạn cho vay**

- Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ thời điểm hộ vay nhận nợ món vay đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 05 năm đầu.

- Trong thời gian ân hạn, hộ vay chưa phải trả nợ gốc, trả lãi. Hộ vay bắt đầu trả nợ gốc, trả lãi tiền vay từ năm thứ 6 trở đi.

**8. Phương thức cho vay**

Cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội, gồm: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Cơ chế ủy thác cho vay được thực hiện như cho vay đối với hộ nghèo. Hộ vay là thành viên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) được thành lập theo quy định của NHCSXH.

**9. Hồ sơ và quy trình cho vay**

**9.1. Hồ sơ vay vốn**

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD).

- Sổ vay vốn.

- Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu số 10C/TD).

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn theo Mẫu số 03/TD.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có bản tổng hợp xác nhận tiến độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội;

**9.2. Quy trình cho vay:** Thực hiện như cho vay hộ nghèo

***Lưu ý:***

\* Đối với người vay:

- Trên Mẫu số 01/TD, người vay phải tự viết bổ sung nội dung cam kết “không chuyển nhượng nhà ở khi chưa trả hết nợ gốc và lãi của khoản vay này” vào cuối cùng phần cam kết của hộ vay.

- Trường hợp, thành viên trong hộ đứng tên vay vốn không trùng với tên người đại diện hộ gia đình trong Danh sách hộ nghèo có nhu cầu vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt thì phải được **UBND cấp xã** nơi hộ vay cư trú xác nhận quan hệ của người vay và người có tên trong Danh sách là thành viên trong cùng một hộ. Việc xác nhận này được Chủ tịch UBND cấp xã ghi, ký tên, đóng dấu vào dưới phần “Cam kết của hộ vay” trên Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay.

\* Đối với Tổ TK&VV

Sau khi nhận Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của hộ vay, Tổ TK&VV phối hợp với Trưởng thôn và đơn vị nhận ủy thác cấp xã tổ chức họp bình xét theo đúng quy định và hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ vay vốn, gửi Ban giảm nghèo cấp xã để trình UBND cấp xã xem xét, xác nhận.

Việc bình xét theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật).

2. Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.

4. Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

5. Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

6. Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

7. Các hộ gia đình còn lại.

\* Đối với cán bộ tín dụng NHCSXH:

Khi kiểm tra hồ sơ vay vốn phải đối chiếu khớp đúng hộ có tên trong Danh sách Mẫu số 03/TD đã có xác nhận của UBND cấp xã với Danh sách hộ nghèo được vay vốn tại Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã được UBND cấp tỉnh phê duyệt và Bản tổng hợp Danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn đã được UBND cấp xã xác nhận.

**10. Giải ngân**

- NHCSXH thực hiện giải ngân trực tiếp cho người vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản để mua vật tư, nguyên liệu nếu người vay yêu cầu đảm bảo đúng danh sách đã được phê duyệt.

- Việc giải ngân chỉ được thực hiện khi Ủy ban nhân dân cấp xã có Bản tổng hợp xác nhận tiến độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn. Trường hợp, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo vay vốn làm nhà ở bằng gỗ thì NHCSXH nơi cho vay giải ngân khi có Bản tổng hợp danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giao đoạn đã được UBND cấp xã xác nhận:

+ Đối với những hộ gia đình thực hiện xây dựng mới nhà ở: Giải ngân 100% vốn vay ngay sau khi hoàn thành phần móng.

+ Đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở: Giải ngân sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

+ Đối với hộ dân có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...) được Đoàn thanh niên cấp xã tổ chức xây dựng thông qua các tổ chức, các đơn vị xây dựng nhà ở cho các đối tượng này thì NHCSXH có thể giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho các tổ chức xây dựng đó, nhưng phải có sự chứng kiến của đại diện Tổ TK&VV, đại diện của Đoàn thanh niên ở xã, tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác, đại diện Ban giảm nghèo và UBND cấp xã; trong trường hợp này phải được người vay chấp thuận và ký đầy đủ vào chứng từ chuyển tiền và hồ sơ vay vốn.

**11. Định kỳ hạn trả nợ gốc và lãi vốn vay**

- NHCSXH nơi cho vay và hộ vay thỏa thuận về số tiền và các kỳ hạn trả nợ gốc theo định kỳ ít nhất 1 năm/lần và định kỳ trả lãi theo quy định hiện hành.

- Hộ vay thực hiện trả nợ gốc, lãi vốn vay từ năm thứ 06. Mức trả nợ mỗi năm tối thiểu bằng 10% tổng số tiền nợ gốc, lãi.

- Hộ vay được trả nợ gốc trước hạn và trả lãi trong thời gian ân hạn.

**12. Thu nợ gốc, thu lãi vốn vay**

- Thu nợ gốc: Trước thời hạn trả nợ theo định kỳ (kỳ con) trả nợ gốc và trước thời hạn trả nợ cuối cùng ít nhất 30 ngày, NHCSXH nơi cho vay lập và gửi Thông báo nợ đến hạn cho đơn vị nhận ủy thác cấp xã, Tổ TK&VV để thông báo, đôn đốc hộ vay có kế hoạch trả nợ. Hộ vay trả nợ trực tiếp cho Ngân hàng tại Điểm giao dịch xã hoặc tại trụ sở NHCSXH. Trường hợp, người vay chưa trả được nợ gốc của kỳ hạn này thì được theo dõi trả vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

- Thu lãi vốn vay

+ Kể từ năm thứ 06 trở đi, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị nhận ủy thác và Tổ TK&VV đôn đốc hộ vay thực hiện trả lãi vốn vay hàng tháng. Số tiền lãi phải trả hàng tháng tối thiểu bằng số tiền lãi tháng cộng với số lãi được phân bổ trong thời gian ân hạn.

+ Trường hợp trong thời gian ân hạn, hộ vay có nhu cầu trả lãi vốn vay hàng tháng, NHCSXH nơi cho vay phục vụ theo đề nghị của người vay và áp dụng quy trình, thủ tục thu lãi theo quy định hiện hành.

**13. Gia hạn nợ**

- Thủ tục, quy trình gia hạn nợ: Như cho vay hộ nghèo.

- Thời gian gia hạn nợ: Tuỳ từng trường hợp cụ thể, NHCSXH nơi cho vay xem xét, cho gia hạn nợ một hoặc nhiều lần đối với khoản vay nhưng tổng thời gian gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn đã cho vay.

**14. Chuyển nợ quá hạn**

\* Các trường hợp chuyển nợ quá hạn

- Hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích, kể cả trường hợp hộ vay chuyển nhượng nhà ở khi chưa trả hết nợ gốc và lãi của khoản vay này thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn. Nếu chưa thu hồi được nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng, hộ vay không trả nợ đúng hạn và không được NHCSXH nơi cho vay cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

\* Công tác phối hợp: NHCSXH nơi cho vay tích cực phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị nhận ủy thác và Tổ TK&VV có biện pháp kiên quyết đôn đốc, thu hồi nợ quá hạn.

**15. Chi trả phí ủy thác và hoa hồng**

Việc trả phí ủy thác và hoa hồng được thực hiện theo định kỳ hàng tháng tính theo số tiền lãi thực tế thu được của các tổ viên thuộc các Tổ TK&VV và theo chất lượng dư nợ do tổ chức Hội, đoàn thể nhận ủy thác quản lý *(áp dụng như chương trình cho vay hộ nghèo)*

**16. Xử lý nợ bị rủi ro:**

Thực hiện theo quy định hiện hành về xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH (Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021).

**VĂN BẢN LIÊN QUAN**

1. Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015.

2. Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 33/2015/QĐ-TTg

3. Văn bản số 7447/NHNN-TD ngày 30/9/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cho vay hộ nghèo về nhà ở giai đoạn 2 theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg

4. Văn bản số 310/NHCS-TDNN ngày 01/02/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn thực hiện cho vay vốn theo Quyết định số 33/2015/QDD-TTg.

5. Công văn số 3262/NHCS-TDSV ngày 24/8/016 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc trả lời vướng mắc sau Hội nghị tập huấn chuyên đề Tín dụng, Kế toán và Quản lý tài chính tại Nghệ An và Khánh Hòa.

6. Văn bản 3926/NHCS-KTTC ngày 07/9/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thay đổi chi trả hoa hồng và phí uỷ thác.

7. Các văn bản khác có liên quan./.

**VIII. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY DỰ ÁN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

**1. Nguồn vốn cho vay**

Là khoản cho vay lại của Bộ Tài chính cho NHCSXH vay để cho vay bằng đồng Euro tương đương 10.000.000 EUR (Mười triệu Euro) từ nguồn vốn vay của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (KFW) để thiết lập Quỹ tín dụng quay vòng nhằm cho vay tới các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc vùng dự án, cụ thể:

a) Hợp đồng cho vay lại ký ngày 26/8/2005, thời gian kết thúc là ngày 30/12/2025.

b) Hợp đồng cho vay lại ký ngày 03/9/2007, thời gian kết thúc là ngày 30/6/2027.

**2. Phạm vi thực hiện dự án**

Các đơn vị thực hiện cho vay do Tổng Giám đốc NHCSXH thông báo từng thời kỳ. Hiện nay, bao gồm 23 đơn vị: Sở giao dịch, Hưng Yên, Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Đà Nẵng, Khánh Hòa, Gia Lai, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Thanh Hóa, Cần Thơ và Lâm Đồng.

**3. Đối tượng vay vốn**

Là doanh nghiệp nhỏ và vừa có đăng ký thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội; Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**4. Điều kiện vay vốn**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được vay vốn khi có **đủ các điều kiện** sau:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Có dự án vay vốn phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được thông báo công khai trên Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

c) Có tài sản bảo đảm theo quy định.

**5. Mức cho vay**

a) Mức cho vay đối với mỗi khách hàng được căn cứ vào:

- Nhu cầu vay vốn của khách hàng.

- Vốn tự có tham gia vào dự án.

- Giá trị của tài sản bảo đảm.

- Khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng.

- Khả năng nguồn vốn của Dự án KFW.

b) Mức cho vay không quá 80%/giá trị của dự án xin vay, khách hàng có thể vay vốn cho nhiều dự án nhưng tổng dư nợ không quá 01 tỷ đồng/01 khách hàng và không quá **70%** giá trị của tài sản bảo đảm.

**6. Lãi suất cho vay:**

- Lãi suất cho vay do NHCSXH quyết định theo từng thời kỳ. Mức lãi suất cho vay hiện nay là 0,75%/tháng (9%/năm).

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**7. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay tối đa 60 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH và khách hàng vay vốn thỏa thuận, căn cứ vào nguồn vốn của dự án do NHCSXH quản lý, thời hạn thu hồi vốn của dự án đầu tư, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn.

**8. Phương thức cho vay**

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay

**9. Hồ sơ vay vốn**

- Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/TDDN;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy phép đầu tư đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trong đó:

+ Trường hợp khách hàng nộp hồ sơ trực tiếp: Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực.

+ Trường hợp khách hàng nộp hồ sơ qua bưu điện: Bản sao có chứng thực.

- Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu doanh nghiệp có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

- Dự án vay vốn theo mẫu 02/TDDN.

- Bản sao các giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm tiền vay.

**10. Thủ tục cho vay**

a) Khách hàng gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi cho vay. Cán bộ được phân công nhận hồ sơ và kiểm tra bộ hồ sơ vay vốn. Nếu bộ hồ sơ đáp ứng đầy đủ về số lượng và thông tin theo quy định thì lập giấy nhận hồ sơ theo mẫu 03/TDDN.

b) Trong phạm vi 10 ngày làm việc, cán bộ tín dụng được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn và lập báo cáo thẩm định theo mẫu số 04/TDDN. Báo cáo thẩm định phải tuân thủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Trường hợp không đồng ý cho vay: Cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng/Tổ trưởng tín dụng, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay ký thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 06/TDDN gửi cho khách hàng.

- Trường hợp đồng ý cho vay: Cán bộ tín dụng trình Trưởng phòng/Tổ trưởng tín dụng, kiểm soát tính hợp lệ và hợp pháp của hồ sơ, sau đó, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định cho vay, đồng thời thông báo cho khách hàng theo mẫu số 05/TDDN.

Sau đó cán bộ tín dụng được phân công cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu 07/TDDN; Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Lệ phí công chứng và giao dịch bảo đảm do khách hàng chi trả.

Việc kiểm soát hồ sơ và phê duyệt kể từ khi cán bộ tín dụng được phân công thẩm định trình không quá 05 ngày làm việc.

**11. Lưu giữ hồ sơ:**

a. Bàn giao hồ sơ cho bộ phận Kế toán lưu giữ bao gồm:

- Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/TDDN.

- Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07/TDDN.

- Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng.

- Giấy đề nghị giải ngân theo mẫu số 09/TDDN.

***Lưu ý****:* Kế toán chỉ được phát tiền vay sau khi khách hàng đã làm các thủ tục nhập kho các giấy tờ gốc: Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng; Giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm.

b. Bộ phận tín dụng: Lưu giữ giấy tờ còn lại

**12. Giải ngân**

Tiền vay được NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, yêu cầu khách hàng ký xác nhận vào phần theo dõi cho vay - thu nợ trong phụ lục hợp đồng tín dụng.

**13. Thu nợ gốc, thu lãi**

a) Thu nợ gốc

- Khách hàng nộp tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản thanh toán được mở tại NHCSXH nơi cho vay hoặc NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng để thu nợ gốc đến hạn. Khách hàng có thể trả nợ gốc trước hạn.

b) Thu lãi

Lãi thu hàng tháng theo quy định, được tính trên số dư nợ thực tế. Khách hàng nộp tiền mặt hoặc NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng để thu lãi.

**14. Định kỳ hạn trả nợ**

- Cho vay ngắn hạn (từ 12 tháng trở xuống): Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung hạn (trên 12 tháng đến 60 tháng): NHCSXH nơi cho vay và khách hàng căn cứ vào nguồn vốn cho vay, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, thời hạn thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của khách hàng để thỏa thuận định kỳ hạn trả nợ cho phù hợp nhưng tối đa không quá 6 tháng một lần kể từ ngày khách hàng nhận món vay đầu tiên.

**15. Điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ:

Đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng vay vốn chưa có khả năng trả nợ do nguyên nhân khách quan thì phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo mẫu số 10/TDDN gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ, NHCSXH nơi cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, nhưng không được vượt quá hạn trả nợ cuối cùng.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ cuối cùng khách hàng chưa trả được nợ do nguyên nhân khách quan thì phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 11/TDDN gửi NHCSXH nơi cho vay trước 05 ngày đến hạn trả nợ. NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trung hạn.

c) Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH chuyển số nợ chưa trả được của kỳ hạn đó sang nợ quá hạn.

- Đến thời hạn trả nợ cuối cùng khách hàng chưa trả được nợ, không được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng biết theo mẫu số 12/TDDN, phối hợp với các cơ quan chức năng tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

**16. Xử lý nợ rủi ro**

Thực hiện theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 và các văn bản liên quan khác.

**17. Kiểm tra sử dụng vốn vay**

NHCSXH thực hiện kiểm tra sử dụng vốn vay định kỳ 1 năm 1 lần hoặc kiểm tra đột xuất theo mẫu 08/TDDN. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay NHCSXH phải kiểm tra lần đầu tiên việc sử dụng vốn vay.

Trường hợp kiểm tra phát hiện khách hàng sử dụng vốn vay sai mục đích hoặc các vi phạm khác theo cam kết trong hợp đồng tín dụng thì NHCSXH thực hiện thu hồi nợ trước hạn hoặc áp dụng các chế tài khác. Sau thời gian vi phạm, khách hàng không khắc phục các vi phạm thì chuyển nợ quá hạn và xử lý theo pháp luật quy định.

**18. Thời gian thực hiện khoản vay**

a) Căn cứ vào Hợp đồng cho vay lại giữa Bộ Tài chính và NHCSXH, các khoản cho vay phải thu hồi nợ trước thời hạn trả nợ cuối cùng của Hợp đồng vay lại, cụ thể:

- Hạn trả nợ cuối cùng không quá ngày 30/12/2025 đối với khoản vay bằng nguồn tài trợ theo Hợp đồng cho vay lại ký ngày 26/8/2005.

- Hạn trả nợ cuối cùng không quá ngày 30/6/2027 đối với khoản vay bằng nguồn tài trợ theo Hợp đồng cho vay lại ký ngày 03/9/2007.

b) Đối với Hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày 02/12/2016 thì việc quản lý, giải ngân cho vay và thu hồi nợ được thực hiện theo nội dung đã ký đến khi thu hồi hết khoản nợ vay.

**VĂN BẢN LIÊN QUAN**

1. Văn bản 5088/NHCS-TDSV ngày 02/12/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay đối với Dự án “Chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW”

2. Quyết định 308/QĐ-NHCS ngày 02/02/2017 của Tổng Giám đốc về việc bổ sung chi nhánh tham gia thực hiện Dự án Chương trình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn KFW

3. Các văn bản khác có liên quan

**IX. CHO VAY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 2085/QĐ-TTg NGÀY 31/10/2016 CỦA TTCP**

**1. Đối tượng vay vốn:**

a) Khách hàng vay vốn để tạo đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề, bao gồm:

- Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) ở các thôn, bản, buôn, làng, ấp, phum, sóc, xóm...(gọi chung là thôn), xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi;

- Hộ nghèo (gồm cả dân tộc Kinh) ở xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp;

+ Chưa có hoặc thiếu đất sản xuất theo hạn mức bình quân chung do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định;

+ Chưa được hưởng chính sách của Nhà nước hỗ trợ về đất sản xuất.

b) Khách hàng vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh:

- Là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ở xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn;

- Có phương án sử dụng vốn vay để sản xuất, kinh doanh.

**2. Điều kiện vay vốn:**

- Có tên trong Danh sách chi tiết hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ và đăng ký vay vốn theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg được UBND cấp huyện phê duyệt.

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay.

- Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Có phương án sử dụng vốn vay vào việc tạo đất sản xuất hoặc chuyển đổi nghề hoặc phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Đối với người vay vốn để tạo đất sản xuất thì không được chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất sản xuất đó trong thời gian 10 năm kể từ ngày được giao đất sản xuất và khi chưa trả hết nợ gốc, lãi của khoản vay để tạo đất sản xuất.

**3. Mục đích sử dụng vốn vay:**

Người vay chỉ được vay vốn để sử dụng vào 01 trong các mục đích sau:

- Tạo đất sản xuất: Chi phí khai hoang, phục hóa, cải tạo đất sản xuất hoặc tự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sản xuất.

- Chuyển đổi nghề hoặc phát triển sản xuất, kinh doanh: Đầu tư vào sản xuất, kinh doanh ngành nghề không trái pháp luật (như: Mua sắm máy móc, công cụ sản xuất, dịch vụ nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, buôn bán,...).

**4. Mức cho vay:**

Người vay có thể vay một hoặc nhiều lần nhưng tổng dư nợ cho vay không vượt quá mức cho vay tối đa của hộ nghèo trong từng thời kỳ (Hiện nay, mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo là 100 triệu đồng/hộ).

**5. Lãi suất cho vay:**

- Lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ (hiện nay lãi suất cho vay hộ nghèo là 0,55%).

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

- Người vay được miễn lệ phí làm thủ tục hành chính khi vay vốn.

**6. Phương thức cho vay và thời hạn cho vay:**

- *Phương thức cho vay*: Cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay quacác tổ chức Hội đoàn thể (gồm: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) và thông qua Tổ TK&VV.

**-** *Thời hạn cho vay:*

+ Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm.

+ Thời hạn cho vay cụ thể đối với từng khoản vay do người vay và Ngân hàng thỏa thuận căn cứ vào chu kỳ sinh trưởng (kỳ luân chuyển vốn) của đối tượng vay, khả năng trả nợ của người vay. Riêng đối với người vay vốn để tạo đất sản xuất, Ngân hàng chỉ xem xét cho vay khi thời hạn còn lại được sử dụng đất sản xuất bằng hoặc lớn hơn thời hạn cho vay đã thỏa thuận nêu trên.

**7. Thủ tục và quy trình cho vay:**

***a) Hồ sơ vay vốn:***

- Đối với người vay: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD).

- Đối với Tổ TK&VV:

+ Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu số 10C/TD).

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD).

- Đối với NHCSXH và người vay: Sổ vay vốn.

***b) Quy trình cho vay:***

a) Người vay

- Lập Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD) và gửi Tổ TK&VV nơi cư trú. Đối với người vay vốn để tạo đất sản xuất thì trên mẫu số 01/TD này, người vay tự viết bổ sung nội dung cam kết “và không chuyển nhượng, tặng, cho quyền sử dụng đất sản xuất khi chưa trả hết nợ gốc và lãi của khoản vay này” vào cuối cùng phần cam kết của hộ vay.

***Lưu ý:*** Hộ gia đình cử người đại diện đứng tên vay vốn theo quy định. Trường hợp, người đứng tên vay vốn không trùng với tên trong Danh sách hộ gia đình được hưởng chính sách vay vốn theo Quyết định 2085/QĐ-TTg thì Chủ tịch UBND cấp xã xác nhận quan hệ trong cùng một hộ gia đình trên mẫu số 01/TD.

b) Tổ TK&VV

- Tổ chức họp bình xét cho vay có sự tham gia của Hội đoàn thể nhận ủy thác cấp xã và sự giám sát (chứng kiến) của Trưởng thôn để: đối chiếu đối tượng vay vốn đúng với quy định, xem xét tính khả thi của Phương án sử dụng vốn vay của từng hộ gia đình, kiểm tra các yếu tố trong hồ sơ đề nghị vay vốn... Nếu chưa đúng thì hướng dẫn người vay làm lại thủ tục hoặc bổ sung phần còn thiếu.

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (Mẫu số 03/TD), kèm bộ hồ sơ vay vốn của người vay và Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu số 10C/TD hoặc 10A/TD) trình UBND cấp xã xem xét, xác nhận.

- Gửi bộ hồ sơ vay vốn cho NHCSXH.

c) Ngân hàng Chính sách xã hội:

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, NHCSXH thực hiện:

- Kiểm tra hồ sơ vay vốn đảm bảo đầy đủ, đúng quy định; đối chiếu Danh sách 03/TD với Danh sách hộ gia đình được hưởng chính sách vay vốn theo Quyết định 2085/QĐ-TTg đã được UBND cấp huyện phê duyệt.

- Trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát và trình Giám đốc phê duyệt cho vay.

- Sau khi phê duyệt cho vay, NHCSXH lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (Mẫu số 04/TD), gửi UBND cấp xã (nếu từ chối cho vaynêu rõ lý do từ chối).

d) UBND cấp xã: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay cho Hội đoàn thể nhận ủy thác cấp xã để thông báo cho Tổ trưởng Tổ TK&VV.

đ) Tổ trưởng Tổ TK&VV: Thông báo người vay đến Điểm giao dịch xã hoặc Trụ sở NHCSXH nơi cho vay để nhận tiền vay.

**8. Tổ chức giải ngân:**

- NHCSXH giải ngân trực tiếp cho người vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Mỗi lần giải ngân, cán bộ Ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký nhận tiền vay theo quy định.

**9. Định kỳ hạn trả nợ gốc, lãi:**

- Định kỳ hạn trả nợ gốc 6 tháng hoặc 1 năm/lần. Đến kỳ hạn trả nợ theo định kỳ, nếu người vaychưa trả được nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn tiếp theo.

- Định kỳ trả lãi theo tháng.

**10. Thu nợ gốc, thu lãi**

**a) Thu nợ gốc:**

- Nợ gốc theo phân kỳ:NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các bên liên quan tuyên truyền, vận động, nhắc nhở người vay trả nợ theo phân kỳ. Nếu người vay chưa trả được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

- Nợ gốc của kỳ cuối cùng: Trước khi đến hạn trả nợ cuối cùng tối thiểu 30 ngày, NHCSXH gửi Thông báo danh sách nợ đến hạn (Mẫu số 19/TD) cho Tổ TK&VV để thông báo, đôn đốc người vay trả nợ. Người vay trực tiếp trả nợ gốc tại Điểm giao dịch xã hoặc Trụ sở NHCSXH.

b) Thu lãi: Thu lãi hàng tháng, NHCSXH nơi cho vay phát hành Biên lai thu lãi, thu tiền gửi theo quy định.

**11. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

**a. Gia hạn nợ**: Đến hạn trả nợ cuối cùng:

- Nếu hộ vay đã thoát nghèo thì phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Nếu hộ vay chưa thoát nghèo và đang gặp khó khăn tạm thời chưa có nguồn trả nợ, có nhu cầu đề nghị gia hạn nợ, thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ (Mẫu số 09A/TD) gửi NHCSXH nơi cho vay, xem xét cho gia hạn nợ theo quy định. Người vay có thể được gia hạn nợ một hay nhiều lần nhưng tổng thời hạn gia hạn nợ tối đa không quá 5 năm.

**b. Chuyển nợ quá hạn**

- Người vay sử dụng vốn vay sai mục đích; chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất sản xuất (đối với người vay để tạo đất sản xuất) thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn. Nếu chưa thu hồi được thì chuyển toàn bộ số dư nợ gốc sang nợ quá hạn.

- Đến hạn trả nợ cuối cùng, người vay đã thoát nghèo, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc người vay chưa thoát nghèo, không được NHCSXH cho gia hạn nợ.

NHCSXH tích cực phối hợp với chính quyền địa phương, các Hội, đoàn thể nhận ủy thác và Tổ TK&VV có biện pháp kiên quyết đôn đốc, thu hồi nợ quá hạn.

**12. Các quy định khác về : Xử lý nợ rủi ro và kiểm tra vốn vay, chi trả phí ủy thác và hoa hồng, hạch toán kế toán, chế độ báo cáo thống kê và lưu giữ hồ sơ vay vốn:** Thực hiện theo quy định hiện hành.

***Lưu ý:***

-Danh sách hộ gia đình được hưởng chính sách vay vốn theo Quyết định 2085/QĐ-TTg lưu giữ tại bộ phận Tín dụng để phục vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát.

- Danh sách thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020 quy định tại Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với các hộ gia đình đã được vay vốn để trồng rừng sản xuất và phát triển chăn nuôi theo văn bản 4288/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 thì không được vay vốn theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

- Đối với hộ gia đình thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách vay vốn theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg nhưng đang có dư nợ vay chương trình hộ nghèo để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh thì có thể được vay vốn chương trình này nhưng tổng dư nợ 02 chương trình sau khi cho vay không vượt quá mức cho vay tối đa đối với hộ nghèo trong từng thời kỳ.

- Đối với hộ gia đình đã được vay vốn NHCSXH để tạo đất sản xuất theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ, nay có tên trong Danh sách chi tiết hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ và đăng ký vay vốn theo Quyết định 2085/QĐ-TTg (lý do, hộ gia đình thiếu đất sản xuất theo hạn mức đất bình quân chung do Uỷ ban nhân dân tỉnh quy định) thì được vay vốn theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg.

**VĂN BẢN LIÊN QUAN**

1. Văn bản 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020.

2. Văn bản 2925/NHCS-TDNN ngày 03/7/2017 của Tổng Giám đốc NHCSXH v/v Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ giao đoạn 2017-2020.

3. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ v/v Danh sách thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016-2020.

4. Các văn bản liên quan khác.

**X. CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI**

**1. Đối tượng vay vốn:**

a. Đối tượng được vay vốn trồng rừng sản xuất là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ quy định, có thực hiện hoạt động trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất.

b. Đối tượng được vay vốn chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác là hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc và miền núi theo tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ quy định, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, gồm: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng.

**2. Điều kiện vay vốn**

Người vay phải có đủ các điều kiện sau:

- Thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách vay vốn theo quy định, có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người vay cư trú;

- Cư trú hợp pháp tại xã nơi có đất được giao trồng rừng;

- Có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự;

- Có giấy tờ chứng minh được giao đất, giao rừng;

- Đối với người vay trồng rừng sản xuất: Ngoài các điều kiện trên phải có Dự án vay vốn phù hợp với thiết kế - dự toán trồng rừng được phê duyệt và việc đầu tư phát triển chăn nuôi (nếu có).

- Đối với hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng có nhu cầu vay vốn chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác, chỉ cho vay đối với người vay có Hợp đồng với hình thức **khoán ổn định**. *VB 2695/NHCS-TDNN*

**3. Mục đích sử dụng vốn vay**

a) Đối với trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ: Trang trải các chi phí về cây giống, phân bón, nhân công, công cụ lao động... theo dự toán – thiết kế trồng rừng được phê duyệt.

 b) Đối với phát triển chăn nuôi: Chi phí cho việc chăn nuôi trâu, bò và gia súc khác phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh về loại vật nuôi theo điều kiện thực tế tại địa phương.

***Lưu ý:*** Nếu hộ vay đã trồng rừng được 3 – 4 năm mới có nhu cầu vay vốn thì NHCSXH cần kiểm tra thực tế tại nơi trồng rừng và hộ gia đình để xem xét quyết định cho vay theo đúng quy định.

**4. Mức cho vay**

a. Cho vay trồng rừng sản xuất: Mức vay tối đa là 15.000.000 đồng/ha. Mức vay cụ thể do NHCSXH và người vay thỏa thuận phù hợp với thiết kế - dự toán trồng rừng được phê duyệt sau khi trừ đi số tiền được Ngân sách hỗ trợ quy định tại Điều 5 của Nghị định 75/2015/NĐ-CP. Cụ thể: “Từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng/ha để mua cây giống, phân bón và chi phí một phần nhân công bằng tiền đối với trồng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ tùy theo chu kỳ kinh doanh của loài cây trồng theo thiết kế - dự toán”. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và thiết kế dự toán.

b. Cho vay phát triển chăn nuôi: Mức vay tối đa 50.000.000 đồng/01 hộ gia đình. Mức vay cụ thể do NHCSXH và người vay thoả thuận phù hợp với nhu cầu vốn cần thiết cho việc đầu tư phát triển chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác của người vay.

**Lưu ý:**

- Một hộ gia đình nếu có nhu cầu vừa vay vốn để trồng rừng sản xuất vừa vay vốn để chăn nuôi gia súc theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP thì NHCSXH cho vay cả hai mục đích.

- Người vay đã vay vốn tại NHCSXH để sử dụng vào việc trồng rừng sản xuất bằng cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ hoặc chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác trên diện tích được giao đất, giao rừng trước đây, nay hộ vay thuộc đối tượng thụ hưởng và có nhu cầu vay vốn theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP thì hộ vay có thể trả hết nợ vay chương trình trước đó để vay vốn theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP này hoặc được vay phần còn lại nhưng dư nợ cũ và mới không vượt quá 15 triệu đồng/ha đất trồng rừng và không vượt quá 50 triệu đồng/hộ đối với phát triển chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác.VB 4275/NHCS-TDNN ngày 29/9/2017

- Hộ vay vốn để trồng rừng và phát triển chăn nuôi được vay vốn tại NHCSXH để chi phí cho một chu kỳ trồng rừng và/hoặc một chu kỳ chăn nuôi với hạn mức vay tối đa là 15 triệu đồng/ha đối với trồng rừng và tối đa 50 triệu đồng/hộ đối với chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác. Hạn mức vay được hiểu thống nhất là doanh số vay các lần cộng lại không vượt quá hạn mức vay tối đa theo quy định trên.

**5. Lãi suất cho vay**

- Lãi suất cho vay là 1,2%/năm (0,1%/tháng).

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

**6. Phương thức cho vay và thời hạn cho vay**

- *Phương thức cho vay*: Thực hiện phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức Hội đoàn thể, gồm: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Người vay không phải thế chấp tài sản nhưng là tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) theo quy định hiện hành của NHCSXH.

**Lưu ý:** Riêng cho vay để trồng rừng sản xuất có mức vay trên 50 triệu đồng, cán bộ tín dụng được phân công theo dõi địa bàn phải thẩm định Dự án vay vốn và lập Phiếu thẩm định theo mẫu số 01/TĐ (đính kèm văn bản 4288/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015).

-*Thời hạn cho vay:*

+ Cho vay trồng rừng sản xuất: Thời hạn cho vay tối đa là 20 năm. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH và người vay thỏa thuận phù hợp với chu kỳ kinh doanh của mỗi loại cây trồng tính từ khi trồng đến khi khai thác, khả năng trả nợ của người vay và thời hạn được sử dụng đất lâm nghiệp còn lại. Các loại cây trồng có chu kỳ kinh doanh khác nhau thì thời hạn cho vay khác nhau. Việc nhận nợ từng lần và phát tiền vay phải phù hợp với tiến độ chi phí cho từng giai đoạn và thời hạn cho vay của từng loại cây trồng.

+ Cho vay chăn nuôi trâu, bò, gia súc khác: Thời hạn cho vay tối đa là 10 năm. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH và người vay thỏa thuận phù hợp với chu kỳ của đối tượng đầu tư vốn.

Căn cứ chu kỳ sinh trưởng, phát triển (kỳ luân chuyển vốn) của đối tượng vay, khả năng trả nợ của người vay và tính chất nguồn vốn cho vay để người vay và Ngân hàng thỏa thuận thời hạn cho vay cụ thể, có so sánh với thời hạn còn lại của Hợp đồng khoán hoặc thời hạn còn lại được sử dụng đất lâm nghiệp. Ngân hàng chỉ xem xét cho vay khi thời hạn còn lại của Hợp đồng khoán hoặc thời hạn còn lại được sử dụng đất lâm nghiệp bằng hoặc lớn hơn thời hạn cho vay đã thỏa thuận nêu trên. *VB 2695/NHCS-TDNN*

**7. Hồ sơ, thủ tục và quy trình cho vay**

***a. Hồ sơ cho vay:***

- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu số 01/TD): Đối với mức cho vay đến 50 triệu đồng. Nếu một hộ vừa vay trồng rừng và vay chăn nuôi dưới 50 triệu đồng thì chỉ cần làm một giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (Mẫu 01/TD).

- Dự án vay vốn (Mẫu 01/DATR): Đối với mức cho vay trên 50 triệu đồng vay trồng rừng sản xuất (Lập 2 liên có dấu đỏ).

- Giấy tờ chứng minh người vay được giao đất, giao rừng với tất cả khách hàng vay vốn để trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi (photo), cụ thể:

+ Đối với bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng sản xuất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền.

+ Đối với nhận khoán bảo vệ rừng: Hợp đồng khoán bảo vệ rừng.

- Thiết kế - dự toán trồng rừng do cơ quan nhà nước được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao hoặc ủy quyền phê duyệt đối với người vay trồng rừng sản xuất (bản sao có chứng thực).

- Biên bản họp Tổ TK&VV (Mẫu 10C/TD)

- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (Mẫu số 03/TD)

- Phiếu thẩm định đối với người vay trồng rừng sản xuất trên 50 triệu đồng (Mẫu số 01/TĐ).

 - Sổ vay vốn.

***b. Quy trình cho vay:***Thực hiện như cho vay hộ nghèo.

 ***Lưu ý có một số điểm khác:***

* Riêng món vay trên 50 triệu để trồng rừng sản xuất, Cán bộ tín dụng phải thẩm định dự án vay vốn tại nơi trồng rừng *(mẫu số 01/TĐ)*.

 ***-*** Nếu thành viên hộ gia đình đứng tên vay vốn không trùng với tên người được giao đất, giao rừng theo quy định thì phải được UBND cấp xã nơi hộ vay cư trú xác nhận mối quan hệ của họ là thành viên trong một hộ gia đình trên Mẫu 01/TD, dưới phần "Cam kết của hộ vay".

 - Việc xác định của UBND cấp xã trên Danh sách 03/TD được ghi cụ thể: “các hộ có tên trên đang cư trú hợp pháp tại xã; thuộc hộ DTTS, hộ người Kinh nghèo.

 - Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng tiến hành kiểm tra hồ sơ vay vốn đảm bảo đầy đủ, đúng quy định, thẩm định dự án vay vốn tại nơi trồng rừng, trình Trưởng phòng KH-NVTD (Tổ trưởng Tín dụng) kiểm soát và trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Đồng thời lập thông báo kết quả cho vay và thực hiện các bước tiếp theo như cho vay Hộ nghèo.

 **8. Tổ chức giải ngân**

- Giải ngân vốn vay trực tiếp cho người vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo đề nghị của người vay.

Trước khi làm thủ tục giải ngân, cán bộ NHCSXH phải:

+ Nhận **bản chính:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/Quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền/Hợp đồng khoán bảo vệ rừng.

+ Lập 03 liên Phiếu nhập ngoại bảng tài sản bảo đảm, trong đó 02 liên lưu NH và 01 liên trả KH (viết tay nếu giao dịch tại Điểm giao dịch xã). Việc nhận và bảo quản bản chính theo quy định như đối với giấy tờ có giá.

- Mỗi lần giải ngân, cán bộ Ngân hàng ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu người vay ký xác nhận tiền vay theo quy định.

**9. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi, thu nợ gốc, thu lãi**

***a. Định kỳ hạn trả nợ gốc và lãi:***

- Đối với khoản vay để phát triển chăn nuôi: Trả nợ gốc 1 năm/lần; đến kỳ hạn trả nợ theo định kỳ, nếu người vay chưa trả được nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn tiếp theo. Lãi định kỳ trả theo tháng.

- Đối với khoản vay để trồng rừng sản xuất: Việc trả nợ gốc và lãi được thực hiện một lần khi đến hạn trả nợ của từng loại cây trồng tính theo thời điểm khai thác chính. Nếu người vay có nhu cầu đề nghị trả nợ gốc theo định kỳ hàng năm và trả lãi theo tháng thì NHCSXH phục vụ theo đề nghị của người vay, cụ thể:

+ Trả nợ gốc: Định kỳ trả nợ 1 năm/lần và được ghi vào Sổ vay vốn.

+ Trả lãi: Tổ trưởng Tổ TK&VV lập Danh sách người vay đề nghị nộp lãi theo tháng theo mẫu số 01/DS và hướng dẫn thực hiện tại văn bản số 2934/NHCS-TDNN ngày 02/12/2011 và văn bản số 5319/NHCS-TDNN ngày 09/12/2016.

***b. Thu nợ gốc, thu lãi:***

- Đối với thu nợ gốc: Trước khi đến hạn trả nợ cuối cùng tối thiểu 30 ngày, NHCSXH nơi cho vay lập và gửi Thông báo danh sách nợ đến hạn (Mẫu số 19/TD) cho Tổ TK&VV để thông báo, đôn đốc người vay thực hiện việc trả nợ. Người vay trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng tại Điểm giao dịch xã hoặc Trụ sở NHCSXH.

***Lưu ý:*** Chu kỳ trồng rừng sản xuất hiện nay là 7 – 10 năm, sau năm tiếp theo mới có thu nhập, NHCSXH phối hợp với Tổ chức Hội để động viên người vay trả nợ dần hàng năm bằng nguồn thu nhập khác để giảm áp lực khi đến hạn. Trường hợp người vay chưa trả được nợ theo phân kỳ thì **không** chuyển nợ quá hạn.

- Đối với thu lãi tháng: NHCSXH phát hành Biên lai thu lãi - thu tiền gửi theo quy định hiện hành của NHCSXH.

 **10. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý nợ rủi ro và kiểm tra vốn vay:** Thực hiện như cho vay Hộ nghèo.

 **Lưu ý thời gian gia hạn:** *Thời hạn cho gia hạn nợ tối đa không quá thời hạn đã cho vay đối với khoản vay đến 12 tháng và tối đa không quá 24 tháng đối với khoản vay trên 12 tháng.*

 **11. Bảo quản, lưu trữ và hoàn trả giấy tờ có giá khi thực hiện bảo đảm tiền vay:**

 - Việc nhận và bảo quản Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/ Quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền/ Hợp đồng khoán bảo vệ rừng theo quy định hiện hành của NHCSXH như đối với giấy tờ có giá.

- Khi đã hoàn thành việc trả nợ, trả lãi thì NH trả lại cho người vay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/ Quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền/ Hợp đồng khoán bảo vệ rừng. Thủ tục giao nhận giống như giấy tờ có giá theo quy định của NHCSXH.

**12. Chi trả phí ủy thác và hoa hồng**

Việc trả phí ủy thác cho Hội, đoàn thể và hoa hồng cho Ban Quản lý Tổ TK&VV thực hiện hàng tháng tính trên số dư nợ trong hạn bình quân tháng theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

**VĂN BẢN LIÊN QUAN**

1. Văn bản 4288/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi theo quy định tại Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ giai đoạn 2015- 2020.

2. Quyết định số 103/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ v/v Danh sách thôn đặc biệt khó khăn; xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016 – 2020.

3. Văn bản 2934/NHCS-TDNN ngày 02/12/2011 của Tổng Giám đốc NHCSXH v/v sửa đổi, bổ sung nghiệp vụ phát hành Biên lai thu lãi, huy động tiền gửi tiết kiệm của tổ viên Tổ TK&VV và thanh toán hoa hồng cho Tổ TK&VV.

4. Văn bản 958/NHCS-TDNN ngày 14/4/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH v/v giải đáp vướng mắc chuyên đề Tín dụng trong Hội nghị tập huấn tại tỉnh Nghệ An

5. Văn bản 3262/NHCS-TDVS ngày 24/8/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH v/v giải đáp vướng mắc chuyên đề Tín dụng, Kế toán và quản lý tài chính trong Hội nghị tập huấn tại tỉnh Nghệ An và Khánh Hòa.

6. Văn bản 4086/NHCS-TDNN ngày 26/10/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH v/v Sửa đổi thủ tục, quy trình gia hạn nợ thông thường.

7. Văn bản 4186/NHCS-TDNN ngày 04/11/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH v/v xác định đối tượng khách hàng vay vốn theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP tại NHCSXH.

8. Văn bản số 5319/NHCS-TDNN ngày 09/12/2016 v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến việc thu lãi, thu tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV.

9. Văn bản 2695/NHCS-TDNN ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại văn bản số 4288/NHCS-TDNN ngày 25/12/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH

10. Các văn bản khác có liên quan.

**XI. HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ CHO VAY ƯU ĐÃI ĐỂ MUA, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI; XÂY DỰNG MỚI HOẶC CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ ĐỂ Ở**

**CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-NHNN ngày 09/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn trình tự, thủ tục thế chấp và giải chấp tài sản là dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Văn bản số 9496/NHNN-TD ngày 10/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc triển khai thực hiện Nghị định số 100/2015/NĐ-CP;

 Văn bản 8586/NHCS-TDSV ngày 29/9/2021 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn Nghiệp vụ cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở.

 **1. Đối tượng được vay vốn**

a) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

b) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.

c) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;

d) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

đ) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

**2. Nguyên tắc vay vốn**

a) Người vay phải đúng đối tượng được vay và đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định;

b) Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;

c) Người vay vốn phải trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn.

**3. Điều kiện được vay vốn**

a) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội

- Các đối tượng quy định tại Điểm b, c, d, đ Mục 1 phải thuộc diện không phải đóng thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ.

- Phải thực hiện gửi tiền tiết kiệm hàng tháng tại NHCSXH với thời gian gửi tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng với NHCSXH, mức gửi hàng tháng tối thiểu bằng mức trả nợ gốc bình quân tháng của người vay vốn.

- Có đủ hồ sơ chứng minh về đối tượng, điều kiện thực trạng nhà ở, điều kiện cư trú và điều kiện thu nhập để được hưởng chính sách nhà ở xã hội theo quy định:

- Có nguồn thu nhập và khả năng trả nợ theo cam kết với NHCSXH;

- Có Giấy đề nghị vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, trong đó có cam kết của cá nhân và các thành viên trong hộ gia đình chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống;

- Có Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư dự án mà dự án của chủ đầu tư đó có trong danh mục dự án xây dựng nhà ở xã hội thuộc chương trình, kế hoạch đầu tư nhà ở xã hội của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Có vốn tự có tối thiểu bằng 20% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội;

- Thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo quy định của pháp luật. Ngân hàng cho vay, chủ đầu tư và người vay vốn phải quy định rõ phương thức quản lý, xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp đồng ba bên.

b) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở

- Các đối tượng quy định tại Điểm b, c, d, đ Mục 1 phải thuộc diện không phải đóng thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ theo từng thời kỳ;

- Phải thực hiện gửi tiền tiết kiệm hàng tháng tại NHCSXH với thời gian gửi tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng với NHCSXH, mức gửi hàng tháng tối thiểu bằng mức trả nợ gốc bình quân tháng của người vay vốn;

- Có đủ hồ sơ chứng minh về đối tượng, điều kiện thực trạng nhà ở, điều kiện cư trú và điều kiện thu nhập để được hưởng chính sách nhà ở xã hội theo quy định;

- Có nguồn thu nhập và khả năng trả nợ theo cam kết với NHCSXH;

- Có Giấy đề nghị vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở, trong đó có cam kết của cá nhân và các thành viên trong hộ gia đình chưa được vay vốn ưu đãi hỗ trợ nhà ở xã hội tại các tổ chức tín dụng;

- Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa phương cấp huyện nơi đăng ký hộ khẩu thường trú do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Có phương án tính toán giá thành, có giấy phép xây dựng đối với trường hợp yêu cầu phải có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn theo quy định của pháp luật thì được xem xét cho vay vốn phù hợp với thời hạn được tồn tại của công trình;

- Có vốn tự có tối thiểu bằng 30% phương án tính toán giá thành của người vay;

- Thực hiện bảo đảm tiền vay bằng giá trị quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở hoặc tài sản khác theo quy định của pháp luật và quy định của NHCSXH.

 **4. Mức vốn cho vay**

a) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội, mức cho vay tối đa bằng 80% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội.

b) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở, mức cho vay tối đa bằng 70% giá trị dự toán hoặc phương án vay, tối đa không quá 500 triệu đồng và không vượt quá 70% giá trị tài sản bảo đảm tiền vay.

c) Mức cho vay cụ thể do NHCSXH nơi cho vay xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ, phương án tính toán giá thành và phương án vay của người vay để thống nhất xác định mức cho vay phù hợp.

**5. Lãi suất cho vay**

a) Lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ theo đề nghị của Hội đồng quản trị NHCSXH cho từng thời kỳ. Hiện nay lãi suất cho vay: 4,8%/năm.

b) Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay do Thủ tưởng Chính phủ quyết định cho từng thời kỳ.

**6. Thời hạn cho vay**

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và người vay vốn thỏa thuận phù hợp với khả năng trả nợ của người vay vốn và tối đa không quá 25 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

**7. Phương thức cho vay**

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh hoặc Phòng giao dịchNHCSXH cấp huyện (gọi chung là NHCSXH nơi cho vay), có ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị - xã hội. Người vay vốn là thành viên của TK&VV được thành lập và hoạt động theo quy định của NHCSXH.

 **8. Hồ sơ vay vốn**

a) Hồ sơ do người vay vốn lập và cung cấp

* Bản gốc Giấy đề nghị vay vốn theo mẫu số 01/NƠXH; Bản gốc Giấy ủy quyền theo quy định của NHCSXH đối với đối tượng vay vốn là hộ nghèo, hộ cận nghèo tại khu vực đô thị;
* Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở

- Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội:

+ Đối tượng quy định tại Điểm a Mục 1: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh về đối tượng là người có công với cách mạng; Giấy xác nhận theo mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục1: xác nhận theo mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

- Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở:

+ Đối tượng quy định tại Điểm a Mục 1: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh về đối tượng là người có công với cách mạng; Giấy xác nhận theo mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục 1 xác nhận theo mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng;

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

* Giấy chứng minh về điều kiện thu nhập

- Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội:

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục 1 tự khai về điều kiện thu nhập theo mẫu số 09 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng (không cần phải có xác nhận);

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 08 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

- Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở:

+ Đối tượng quy định tại Điểm b Mục 1 tự khai về điều kiện thu nhập theo mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng (không cần phải có xác nhận);

+ Đối tượng quy định tại Điểm c, d, đ Mục 1 xác nhận theo mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2021/TT-BXD của Bộ xây dựng.

* Giấy tờ chứng minh về điều kiện cư trú.
* Người vay phải có Giấy xác nhận thông tin về cư trú theo quy định, cụ thể như sau:

+ Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội: Giấy xác nhận thông tin về cư trú phải thể hiện nơi thường trú trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có nhà ở xã hội mua, thuê mua. Trường hợp chỉ có tạm trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có nhà ở xã hội mua, thuê mua thì phải có thời gian tạm trú từ một năm trở lên và người vay vốn phải có giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội.

+ Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Giấy xác nhận thông tin về cư trú phải thể hiện nơi thường trú trên cùng địa bàn cấp huyện với nơi có đất để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở.

* Trường hợp đã được cấp Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì vẫn được sử dụng và có giá trị như giấy tờ, tài liệu xác nhận về cư trú theo quy định của Luật Cư trú cho đến hết ngày 31/12/2022, cụ thể như sau:

+ Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội: Bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có nhà ở xã hội mua, thuê mua. Trường hợp người vay vốn không có Sổ hộ khẩu theo quy định thì phải có bản sao có chứng thực Sổ tạm trú từ một năm trở lên và giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội;

+ Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở: Bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu trên cùng địa bàn cấp huyện với nơi có đất để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở.

* Giấy tờ chứng minh vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở
* Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội:

+ Bản sao có chứng thực Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội hoặc Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội theo quy định hiện hành;

+ Bản sao giấy tờ chứng minh đã đóng tiền cho chủ đầu tư để mua, thuê mua nhà ở xã hội theo Hợp đồng đã ký;

+ Bản sao Biên bản bàn giao nhà ở giữa người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư.

* Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở:

+ Bản gốc Phương án tính toán giá thành và phương án vay mẫu số 02/NƠXH;

+ Bản gốc Hợp đồng thi công (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng (nếu có);

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đất đai.

* Giấy tờ khác liên quan đến thực hiện bảo đảm tiền vay:

- Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người ký Bên thế chấp trên Hợp đồng thế chấp tài sản;

- Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản (nếu có) trong trường hợp pháp luật quy định tài sản thế chấp phải mua bảo hiểm;

- Bản gốc văn bản uỷ quyền (có công chứng) của các đồng sở hữu đồng ý cho Bên thế chấp dùng tài sản để làm tài sản thế chấp (nếu có);

- Một số giấy tờ khác liên quan đến bảo đảm tiền vay.

* Giấy đề nghị giải ngân mẫu số 10/NƠXH;
* Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ mẫu số 12/NƠXH;
* Giấy đề nghị gia hạn nợ mẫu số 13/NƠXH;
* Hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay.

b) Hồ sơ do Tổ tiết kiệm và vay vốn lập

Biên bản họp Tổ TK&VV theo quy định hiện hành của NHCSXH.

c) Hồ sơ do Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã lập

- Danh sách đề nghị vay vốn nhà ở xã hội tại NHCSXH theo mẫu số 03/NƠXH;

- Biên bản về việc tổ chức bốc thăm lựa chọn người vay vốn trong trường hợp nhu cầu vay vốn lớn hơn chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao.

d) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Thông báo nhận hồ sơ vay vốn theo mẫu số 04/NƠXH;

- Báo cáo thẩm định theo mẫu số 05/NƠXH;

- Thông báo phê duyệt cho vay theo mẫu số 06a/NƠXH;

- Thông báo từ chối cho vay theo mẫu số 06b/NƠXH;

- Thông báo chuyển nợ quá hạn theo mẫu số 14/NƠXH;

- Thông báo chấm dứt cho vay theo mẫu số 15/NƠXH;

- Báo cáo thẩm định tài sản thế chấp, thông báo phê duyệt tài sản thế chấp theo quy định hiện hành của NHCSXH.

đ) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, người vay vốn và các bên liên quan cùng lập

-Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a, 07b, 07c/NƠXH;

- Hợp đồng ba bên theo mẫu số 08/NƠXH;

- Hợp đồng thế chấp tài sản theo mẫu số 09/NƠXH;

- Biên bản kiểm tra theo mẫu số 11/NƠXH;

- Biên bản xác định giá trị tài sản thế chấp theo quy định hiện hành của NHCSXH (nếu có);

- Hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm tiền vay có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

**9. Quy trình cho vay**

a) Tại tổ TK&VV

Người vay vốn gửi hồ sơ quy định (Bản gốc Giấy đề nghị vay vốn; Bản gốc giấy ủy quyền, Giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở, Giấy chứng minh về điều kiện thu nhập, giấy chứng minh về điều kiện cư trú) cho Tổ TK&VV tại nơi cư trú hợp pháp. Nếu người vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên; họp bình xét công khai dưới sự giám sát, chứng kiến của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và người đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, sau đó gửi hồ sơ vay vốn kèm biên bản họp Tổ TK&VV đến UBND cấp xã.

b) Tại UBND cấp xã

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao và hồ sơ đề nghị vay vốn của các Tổ TK&VV gửi đến, UBND cấp xã xác nhận trên Danh sách đề nghị vay vốn nhà ở xã hội tại NHCSXH theo mẫu số 03/NƠXH, sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Trường hợp nhu cầu vay vốn lớn hơn chỉ tiêu kế hoạch vốn được giao thì UBND cấp xã tổ chức xét ưu tiên vay vốn nhà ở xã hội cho người vay vốn là đối tượng người có công với cách mạng hoặc đối tượng tại Điểm b, c, d, đ Mục 1 là người khuyết tật, nữ giới. Sau khi xét ưu tiên cho các đối tượng nói trên được vay vốn, các đối tượng còn lại tổ chức bốc thăm để ưu tiên vay vốn. Việc xét ưu tiên và tổ chức bốc thăm phải được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, có sự tham gia của người vay vốn và lập thành biên bản lưu tại UBND cấp xã.

c) Tại NHCSXH nơi cho vay

- Khi nhận được hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, NHCSXH nơi cho vay thông báo cho người vay vốn theo mẫu số 04/NƠXH đến làm thủ tục và mang theo hồ sơ vay vốn quy định (Giấy tờ chứng minh vay vốn để mua, thuê mua NOXH; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở). Cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công, trong thời gian tối đa 10 ngày làm việc thực hiện thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn, lập Báo cáo thẩm định theo mẫu số 05/NƠXH. Báo cáo thẩm định được lập phù hợp với từng đối tượng xin vay nhưng phải tuân thủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn và được đánh máy.

- Cán bộ được phân công thẩm định trình Báo cáo thẩm định kèm hồ sơ vay vốn cho Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét phê duyệt. Việc kiểm soát và phê duyệt hồ sơ vay vốn kể từ khi cán bộ được phân công thẩm định đến khi trình Giám đốc tối đa 05 ngày làm việc.

- NHCSXH nơi cho vay thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 06a/NƠXH hoặc không đồng ý phê duyệt cho vay theo mẫu số 06b/NƠXH.

Trường hợp phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay cùng người vay vốn lập Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/NƠXH hoặc 07b/NƠXH hoặc 07c/NƠXH. NHCSXH nơi cho vay cùng người vay vốn và chủ đầu tư ký Hợp đồng ba bên theo mẫu số 08/NƠXH (đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội); cùng Bên thế chấp lập Hợp đồng thế chấp tài sản và thực hiện công chứng, đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, chi phí do người vay chi trả.

Khi ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, người vay vốn phải xuất trình bản gốc: Giấy tờ chứng minh đã đóng tiền cho chủ đầu tư để mua, thuê mua nhà ở xã hội; Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội/Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội; Biên bản bàn giao nhà ở giữa người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các giấy tờ liên quan đến hồ sơ thế chấp tài sản để đối chiếu.

Các Hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm và phải tuân thủ các nội dung theo mẫu hướng dẫn, được đánh máy.

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa người vay vốn với NHCSXH nơi cho vay, người vay vốn mở tài khoản tại NHCSXH nơi cho vay và thực hiện gửi tiền gửi tiết kiệm hàng tháng theo quy định bắt đầu kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng.

- Sau khi hồ sơ của khoản vay được hoàn thiện, cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công bàn giao toàn bộ hồ sơ cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân.

- Kế toán chỉ được phát tiền vay sau khi người vay vốn đã thực hiện gửi tiền gửi tiết kiệm theo quy định và người vay vốn, bên thế chấp đã bàn giao cho bộ phận kế toán bản gốc: Hợp đồng thế chấp tài sản đã công chứng; Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội/Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội của người vay vốn với chủ đầu tư; Giấy chứng nhận bảo hiểm tài sản trong trường hợp pháp luật quy định tài sản thế chấp phải mua bảo hiểm (nếu có); Biên bản bàn giao nhà ở giữa người vay vốn để thuê mua nhà ở xã hội với chủ đầu tư; giấy tờ chứng minh đã đóng tiền cho chủ đầu tư hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp để lưu thành túi riêng và làm thủ tục lưu trữ, bảo quản trong kho theo chế độ quy định của NHCSXH.

**10. Giải ngân**

a) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội

Mỗi lần giải ngân, người vay vốn viết Giấy đề nghị giải ngân theo mẫu số 10/NƠXH gửi kèm Giấy đề nghị thanh toán hoặc thông báo nộp tiền của chủ đầu tư, Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07a/NƠXH hoặc 07b/NƠXH đến NHCSXH nơi cho vay, tiền vay được NHCSXH nơi cho vay chuyển khoản cho chủ đầu tư. Cán bộ được Giám đốc phân công kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ, ký và trình Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt. Người vay vốn ký xác nhận vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi giải ngân.

b) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở

- Mỗi lần giải ngân, người vay vốn viết Giấy đề nghị giải ngân theo mẫu số 10/NƠXH gửi kèm Hợp đồng tín dụng theo mẫu số 07c/NƠXH đến NHCSXH nơi cho vay, tiền vay được NHCSXH nơi cho vay chuyển khoản trả cho đơn vị cung ứng vật tư hoặc chi tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của người vay vốn.

- Số tiền giải ngân lần đầu không quá 50% số tiền phê duyệt cho vay. Cán bộ được Giám đốc phân công kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ, ký và trình Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt, tiến hành giải ngân và đề nghị người vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi giải ngân.

- NHCSXH nơi cho vay giải ngân số tiền còn lại khi người vay vốn đã sử dụng trên 50% phương án tính toán giá thành và phương án vay. Cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành kiểm tra thực tế công trình theo mẫu số 11/NƠXH, nếu đủ điều kiện thì tiến hành giải ngân và đề nghị người vay vốn ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần theo dõi giải ngân.

**11. Định kỳ hạn trả nợ**

a) Định kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng 01 lần kể từ ngày người vay vốn nhận khoản vay đầu tiên.

b) Khi người vay vốn nhận khoản vay cuối cùng, nếu số tiền đã vay thấp hơn số tiền đã được phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay và người vay thỏa thuận điều chỉnh lại số tiền phải trả của các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc thời hạn cho vay và ghi vào phụ lục Hợp đồng tín dụng, phần định lại kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc số tiền trả nợ gốc.

**12. Kiểm tra, giám sát**

Tối đa 30 ngày kể từ ngày phát tiền vay lần cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay theo mẫu số 11/NƠXH. NHCSXH nơi cho vay có trách nhiệm kiểm tra quá trình sử dụng vốn vay và trả nợ, trả lãi của người vay vốn, kiểm tra hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay nhằm đôn đốc người vay vốn thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản.

 **13. Thu nợ, thu lãi**

a) Thu nợ gốc

- Đến kỳ hạn trả nợ gốc, NHCSXH nơi cho vay trích số dư tài khoản thanh toán của người vay vốn để thu nợ gốc theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng. Người vay vốn được trả nợ trước hạn;

- NHCSXH nơi cho vay thu hồi nợ gốc trước hạn trong trường hợp theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định tại Điểm c Mục 14.

b) Thu lãi

Lãi tiền vay được thực hiện thu hàng tháng bắt đầu từ tháng sau tháng nhận khoản vay đầu tiên. Hàng tháng, NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của người vay vốn để thu lãi.

 **14. Xử lý nợ**

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

Đến kỳ hạn trả nợ gốc theo quy định, người vay phải có trách nhiệm trả nợ; nếu người vay vốn không có khả năng trả nợ một phần hoặc toàn bộ số tiền vay của cả kỳ hạn trả nợ gốc đó thì được xem xét kéo dài thời gian trả nợ sang kỳ hạn trả nợ gốc tiếp theo, thời gian điều chỉnh không quá 06 tháng. Trước 05 ngày đến hạn, người vay vốn phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc theo mẫu số 12/NƠXH gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc.

b) Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, người vay vốn không có khả năng trả được nợ thì được xem xét gia hạn nợ. Trước 05 ngày đến hạn, người vay vốn phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ theo mẫu số 13/NƠXH gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét cho gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 12 tháng.

c) Chuyển nợ quá hạn

* NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo chuyển nợ quá hạn cho người vay vốn theo mẫu số 14/NƠXH đối với các trường hợp:

- Người vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng thì chuyển số nợ sai mục đích không trả được sang nợ quá hạn.

- Người vay vốn không trả nợ gốc đúng hạn theo thỏa thuận và không được NHCSXH nơi cho vay chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc hoặc gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số nợ gốc không trả được đúng hạn sang nợ quá hạn.

- Theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

* Trường hợp người vay vốn cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định tại Hợp đồng tín dụng và/hoặc Hợp đồng thế chấp tài sản nhưng trong thời gian 03 tháng tính từ ngày NHCSXH nơi cho vay lập Biên bản kiểm tra theo mẫu số 11/NƠXH không khắc phục, sửa chữa thì NHCSXH nơi cho vay lập thông báo chấm dứt theo mẫu số 15/NƠXH gửi người vay và sau 03 tháng tính từ ngày lập thông báo gửi theo mẫu 15/NƠXH nếu người vay không trả được nợ trước hạn thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện chuyển nợ quá hạn.
* Sau khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương đôn đốc, yêu cầu người vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

 **15. Xử lý các vi phạm**

a) Chấm dứt cho vay

NHCSXH nơi cho vay căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Biên bản kiểm tra theo mẫu số 11/NƠXH hoặc theo văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để quyết định chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn đối với người vay vốn vi phạm theo quy định.

b) NHCSXH nơi cho vay xử lý tài sản bảo đảm hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

- Người vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản.

- Người vay vốn có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng.

- Người vay vốn có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh, chây ỳ trả nợ theo thỏa thuận.

- Người vay vốn có hành vi lừa đảo, gian lận.

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

**16. Xử lý nợ bị rủi ro**

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và NHCSXH về Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

**17. Tài khoản tiền gửi của người vay vốn**

a) NHCSXH nơi cho vay mở tài khoản thanh toán cho người vay vốn để người vay vốn gửi tiền tiết kiệm và thanh toán các khoản trả nợ gốc, trả lãi theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và các giao dịch khác (nếu có). Người vay vốn nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay. Người vay vốn chuyển tiền trong hệ thống NHCSXH đến tài khoản thanh toán này thì được miễn phí chuyển tiền. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích số dư tài khoản thanh toán để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận.

Đồng thời, NHCSXH nơi cho vay mở tài khoản tiền gửi cho người vay vốn để theo dõi việc gửi tiền tiết kiệm. NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích số dư tài khoản thanh toán chuyển sang tài khoản tiền gửi của người vay vốn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Tiền lãi được trả một lần khi tất toán tài khoản tiền gửi. Khi kết thúc thời gian gửi tiền tiết kiệm, NHCSXH nơi cho vay tất toán tài khoản tiền gửi chuyển sang tài khoản thanh toán của người vay vốn.

b) Hồ sơ mở tài khoản: thực hiện theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

**18. Bảo đảm tiền vay**

a) Đối với vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở thực hiện theo quy định bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH.

b) Đối với vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội thực hiện theo quy định bảo đảm tiền vay trong hệ thống NHCSXH có bổ sung một số nội dung sau:

- Người vay vốn mua, thuê mua nhà ở xã hội hình thành từ vốn vay được thế chấp nhà ở này tại NHCSXH để mua, thuê mua chính nhà ở đó.

- Căn cứ Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng ba bên đã ký, Hợp đồng mua bán nhà ở xã hội hoặc Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội; giấy tờ chứng minh đã đóng tiền mua hoặc thuê mua nhà ở cho chủ đầu tư theo tiến độ thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán nhà ở hoặc Hợp đồng thuê mua nhà ở xã hội; NHCSXH nơi cho vay và người vay vốn lập Hợp đồng thế chấp tài sản theo mẫu số 09/NƠXH. Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp tài sản được xác định bằng giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội. Việc thực hiện công chứng Hợp đồng thế chấp tài sản và đăng ký biện pháp bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, chi phí do người vay vốn chi trả.

- Nhà ở hình thành từ vốn vay sau khi hình thành tiếp tục được dùng thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho NHCSXH. Khi người vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội đã trả tối đa 95% giá trị Hợp đồng mua, thuê mua nhà ở xã hội cho chủ đầu tư và bàn giao đưa vào sử dụng đối với mua nhà ở xã hội, NHCSXH nơi cho vay cùng chủ đầu tư, người vay vốn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đồng thời với thủ tục đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký theo quy định của pháp luật tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chi phí do người vay vốn chi trả. Ngay sau khi nhận được giấy hẹn trả kết quả do cơ quan có thẩm quyền cấp, người vay vốn và chủ đầu tư phải bàn giao cho NHCSXH nơi cho vay.

- Khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật, NHCSXH nơi cho vay cử cán bộ, phương tiện, bảo vệ để nhận, quản lý, vận chuyển và làm thủ tục lưu trữ, bảo quản trong kho ngay trong ngày theo quy định của NHCSXH.

- Khi người vay vốn trả hết nợ (gốc, lãi) thì NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục xuất kho trả giấy tờ của tài sản thế chấp cho Bên thế chấp.